



TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,
thành phố Hà Nội

Mã số DN: 0100106440

Số: 199./2023/LICOGI-CBTT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(V/v CBTT Báo cáo thường niên 2022)

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**
Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân
Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0243 8542 365
Fax: 0243 8542 655
Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Nguyên Vũ
Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0912046454
Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu
 định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo thường niên 2022 của
Tổng công ty Licogi – CTCP.

(Có Báo cáo kèm theo).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào
ngày 20/04/2023 tại đường dẫn: <http://www.licogi.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

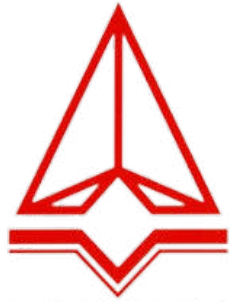
Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Vũ Nguyên Vũ



LICOGI

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2022**

MỤC LỤC

PHẦN I PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị (6)
2. Hoạt động chính và các giải thưởng năm (8)
3. Một số chỉ tiêu chính (10)

PHẦN V BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về mọi mặt hoạt động của Tổng công ty (62)
2. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc (64)
3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị (65)

PHẦN II THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung (14)
2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Định hướng phát triển (18)
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh (24)
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý (26)
5. Vị thế (32)
6. Các rủi ro (34)

PHẦN VI QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị (72)
2. Ban kiểm soát (74)
3. Giao dịch và thù lao (76)
4. Đào tạo về quản trị công ty (79)

PHẦN III TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (40)
2. Tổ chức nhân sự (42)
3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án (44)
4. Tình hình tài chính (46)
5. Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu (48)

PHẦN VII BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Chỉ tiêu phát triển bền vững (82)
2. Chính sách liên quan đến người lao động (82)
3. Chính sách liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương và môi trường (82)

PHẦN IV BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (52)
2. Tình hình tài chính (54)
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý (56)
4. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ngoại trừ (58)

PHẦN VIII BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022

01

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
2. Hoạt động chính và các giải thưởng năm 2022
3. Một số chỉ tiêu chính



Thông điệp

của Chủ tịch Hội đồng quản trị



Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên,

Năm 2022 là năm có rất nhiều khó khăn đối với ngành Xây dựng nói chung và Tổng công ty LICOGI nói riêng. Bên cạnh khó khăn về tài chính, việc làm thì ảnh hưởng lớn nhất đối với các đơn vị xây dựng là do giá vật tư, nguyên, nhiên vật liệu, nhân công và lãi suất ngân hàng biến động tăng mạnh làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp trong ngành Xây dựng đã ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng. Thị trường bất động sản năm 2022 là một năm "lên bổng, xuống trầm" khi đầu năm thị trường "hưng phấn" nhưng từ giữa và cuối năm thị trường lại chuyển sang trạng thái "trầm lắng" kéo dài. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và đầu tư, kinh doanh bất động sản, sản xuất, kinh doanh của LICOGI đã bị ảnh hưởng đáng kể. Ngay từ đầu năm, HĐQT đã dự báo được những khó khăn và đã đề ra các giải pháp cụ thể phù hợp trong từng thời kỳ, hạn chế rủi ro nên sản xuất, kinh doanh vẫn đạt được hiệu quả.

Năm 2023 dự báo vẫn là năm khó khăn, thách thức Tổng Công ty phải đối mặt phía trước. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, Tổng công ty sẵn sàng đón nhận những khó khăn, nắm bắt những cơ hội và phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Ban lãnh đạo Tổng Công ty LICOGI - CTCP đã có những định hướng chiến lược thực tế, kịp thời và linh hoạt để hoạt động kinh doanh phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. Theo đó, LICOGI vẫn tiếp tục tập trung phát triển 3 lĩnh vực nòng cốt là: Xây lắp, Sản xuất công nghiệp - vật liệu xây dựng và Đầu tư khu đô thị nhà ở. Ngoài ra, sẽ quan tâm đẩy mạnh lĩnh vực xuất khẩu lao động bằng việc thành lập Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu tổng hợp LICOGI trên cơ sở phát triển từ Chi nhánh Xuất khẩu lao động làm tiền đề cho những năm tiếp theo.

Với truyền thống 63 năm xây dựng và phát triển, với tinh thần đoàn kết, hỗ trợ giữa các đơn vị trong hệ thống và ý chí vượt khó, với chiến lược kinh doanh được chuẩn bị kỹ lưỡng, phù hợp trình ĐHCĐ năm 2023 thông qua, Tôi tin tưởng LICOGI sẽ đạt được những kết quả như mong đợi.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thành viên HĐQT, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động LICOGI đã nỗ lực không ngừng để hoàn thành nhiệm vụ. Tôi xin cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của khách hàng, sự đồng hành của đối tác và quý cổ đông trong năm qua.

Kính chúc Quý vị luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

**Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đinh Việt Tùng (đã ký)**

Các sự kiện tiêu biểu 2022

Hội nghị Ban Chấp hành Công đoàn Tổng công ty LICOGI (Mở rộng)



Đồng chí Phạm Xuân Hải, Phó Chủ tịch, Công đoàn Xây dựng Việt Nam phát biểu tại Hội nghị

Ngày 15/09/2022 tại Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Công đoàn Tổng công ty LICOGI tổ chức Hội nghị Ban Chấp hành Công đoàn Tổng công ty mở rộng, nhằm sơ kết hoạt động Công đoàn Tổng công ty 9 tháng, triển khai hoạt động Công đoàn Tổng công ty quý IV/2022 và triển khai Kế hoạch Đại hội Công đoàn cơ sở trực thuộc, tiến tới Đại hội Công đoàn Tổng công ty LICOGI-CTCP lần thứ VI, Nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Hội nghị đã báo cáo kết quả hoạt động Công đoàn Tổng công ty 9 tháng và triển khai hoạt động Công đoàn Tổng công ty quý IV/2022; Báo cáo công khai tài chính công đoàn Tổng công ty và triển khai Kế hoạch Đại hội Công đoàn cơ sở trực thuộc, tiến tới Đại hội Công đoàn Tổng công ty LICOGI, Nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Họp mặt kỷ niệm 30 năm ngày thành lập hội hưu trí LICOGI



Ông Đinh Việt Tùng - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty LICOGI trao quà cho đại diện hội hưu trí

Đến dự hội nghị có đồng chí Đinh Việt Tùng (Chủ tịch HĐQT - Tổng công ty Licogi - CTCP), ban lãnh đạo Tổng công ty cùng đông đảo thành viên trong Hội. Qua 30 năm hoạt động, Hội hưu trí LICOGI không ngừng phát triển trên cả 3 miền.

Đối tác Nhật Bản giới thiệu công nghệ thi công mới



Hình ảnh buổi làm việc giữa Công ty và đối tác Nhật Bản

Ngày 04/11/2022 tại phòng họp Tổng Công ty LICOGI đã diễn ra buổi làm việc với đối tác Nhật Bản, tham dự buổi làm việc có đồng chí Tổng giám đốc Tổng Công ty cùng một số cán bộ kỹ thuật, lãnh đạo phòng ban. Tại buổi làm việc đối tác Nhật Bản giới thiệu công nghệ thi công mới - công nghệ ISS thi công các hạng mục ngầm công trình bằng robot tự hành không cần mở bề mặt nền. Trong không khí cởi mở hai bên đã thảo luận, bên đối tác Nhật Bản mong muốn trong tương lai sẽ có nhiều cơ hội hợp tác với Tổng Công ty.

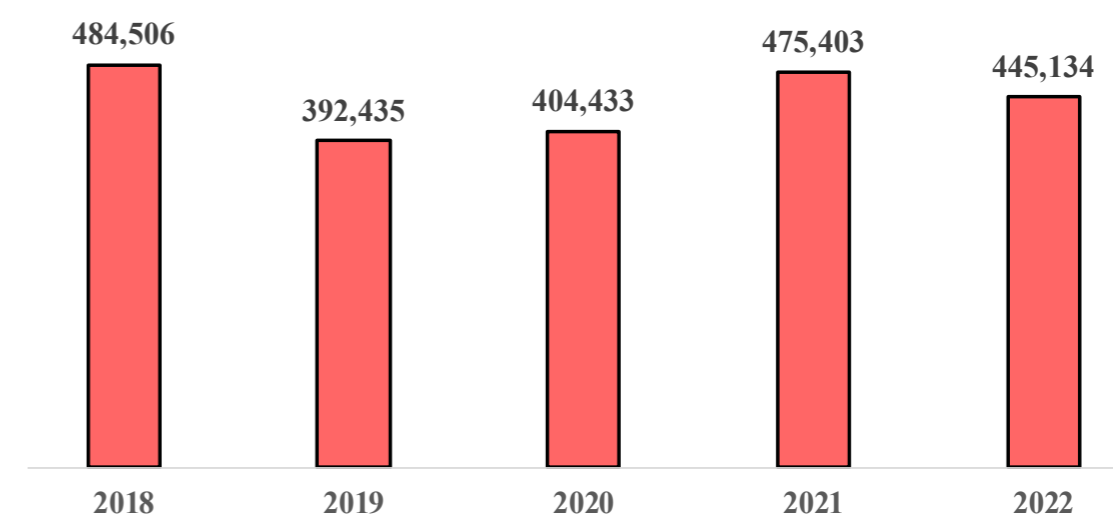
Các chỉ tiêu chính năm 2022



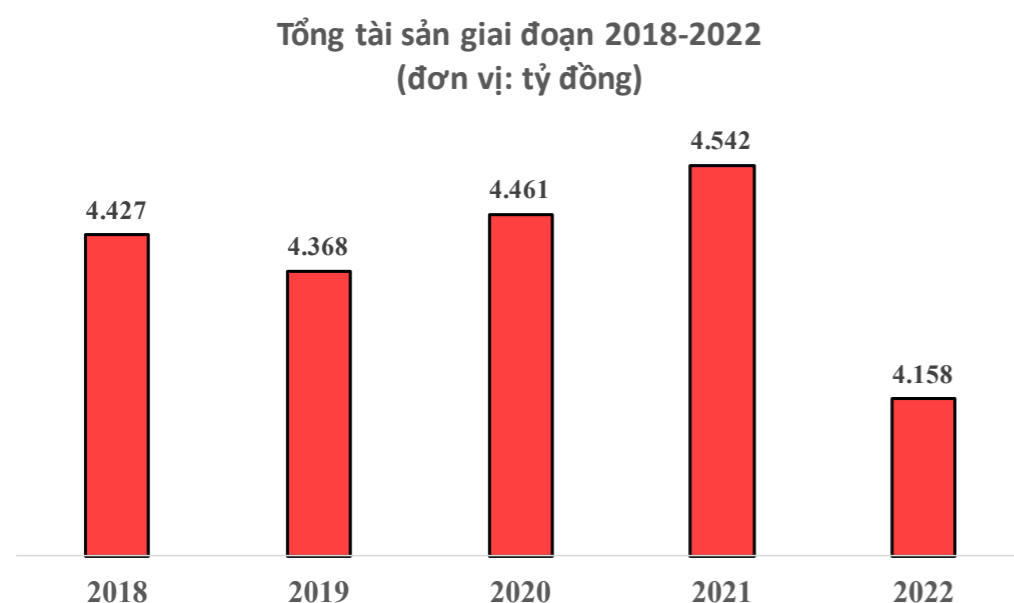
Tóm tắt các chỉ tiêu chính giai đoạn 2018-2022

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2018	2019	2020	2021	2022
Tổng tài sản	4.427.761	4.368.392	4.461.994	4.542.159	4.158.197
Vốn chủ sở hữu	484.506	392.435	404.433	475.403	445.134
Lợi nhuận sau thuế	51.277	(64.012)	23.024	103.487	44.291

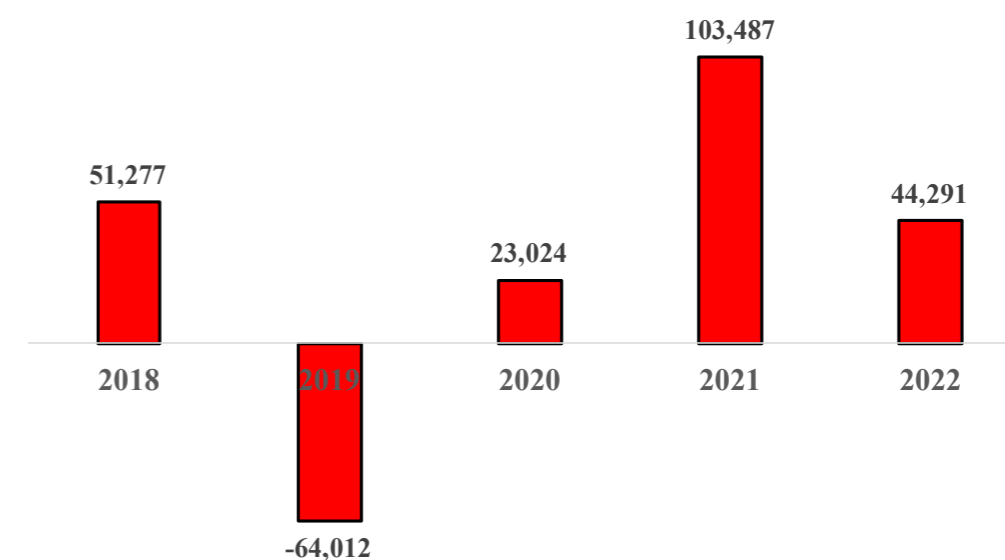
Vốn chủ sở hữu giai đoạn 2018-2022
(đơn vị: tỷ đồng)



Tóm tắt các chỉ tiêu chính giai đoạn 2018 - 2022



Lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2018-2022
(đơn vị: tỷ đồng)



02

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin chung
2. Tầm nhìn - Sứ mệnh - Định hướng
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị
5. Vị thế Công ty
6. Các rủi ro



1. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Tổng Công ty LICOGI - CTCP		
Tên Tiếng Anh	LICOGI Corporation - JSC		
Tên viết tắt	LICOGI		
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Số 0100106440 cấp ngày 24/11/2010 tại Thành phố Hà Nội, thay đổi lần thứ 8 ngày 17/03/2022		
Vốn điều lệ	900.000.000.000 VND	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	900.000.000.000 VND

Địa chỉ trụ sở chính Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại (84) 024 38542365 **Fax** (84) 024 38542655

Mã cổ phiếu LIC

Email info@licogi.vn **Website** http://www.licogi.com.vn

Logo



Quá trình hình thành và phát triển

Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng) quyết định thành lập Công ty thi công cơ giới.

Bộ Xây dựng có quyết định chuyển Công ty thi công cơ giới thành Liên hiệp các Xí nghiệp thi công cơ giới.

Bộ Xây dựng có Quyết định số 998/BXD - TCLĐ thành lập Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng.

Bộ Xây dựng có Quyết định số 1635/QĐ - BXD chuyển Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 53/QĐ - TTg thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà với nòng cốt là 06 Tổng Công ty, trong đó Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng là Công ty con do Tập đoàn Sông Đà nắm giữ 100% vốn điều lệ.

1960

1979

1995

2006

2010



2018

2015

2014

2013

Bộ Xây dựng chuyển giao quyền sở hữu vốn Nhà nước tại LICOGI sang SCIC.

Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106440.

Thủ tướng chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng.

Bộ Xây dựng có Quyết định số 914/QĐBXD chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng từ Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà về Bộ Xây dựng.

2. TÂM NHÌN - SỨ MỆNH



Tâm nhìn



- Nhà thầu hạ tầng kỹ thuật và nền móng công trình hàng đầu tại Việt Nam và nhà thầu Quốc tế chuyên nghiệp bằng lợi thế công nghệ, thiết bị uy tín và nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Nhà sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng hiệu quả cao.
- Nhà đầu tư, phát triển và vận hành khu đô thị mang lại môi trường sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng.

Sứ mệnh



- LICOGI cung cấp giải pháp sáng tạo và đáng tin cậy với giá cả hợp lý bằng ứng dụng công nghệ tiên tiến và phương thức quản lý hiện đại.
- LICOGI nỗ lực nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng và sự phát triển bền vững của đất nước bằng chiến lược đầu tư hiệu quả.
- LICOGI xây dựng một môi trường làm việc hội tụ được nguồn nhân lực chất lượng cao, mang lại cơ hội phát triển và thành đạt cùng doanh nghiệp.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng chung



Thi công nền móng hạ tầng, xây lắp



Sản xuất công nghiệp - vật liệu xây dựng



Đầu tư khu đô thị, nhà ở, khu công nghiệp



Chiến lược phát triển của LICOGI trong những năm tới tiếp tục được xác định dựa trên ba trụ cột chính là (i) Thi công nền móng hạ tầng, xây lắp, (ii) Sản xuất công nghiệp - vật liệu xây dựng và (iii) Đầu tư khu đô thị, nhà ở, khu công nghiệp, trong đó, nguồn nhân lực là khâu then chốt, quản lý bộ máy là khâu trọng yếu và phát huy văn hóa doanh nghiệp là nhiệm vụ thường xuyên. Việc kiện toàn, sắp xếp lại nhân sự, bộ máy quản lý, điều hành được thực hiện từ Công ty mẹ đến các công ty con, cụ thể:

- Công ty mẹ sẽ thực hiện chức năng chủ yếu là đầu tư đồng bộ, có chiều sâu hệ thống máy móc, thiết bị thi công hiện đại, đào tạo, xây dựng phát triển nguồn nhân sự để đủ năng lực đấu thầu, ký kết các hợp đồng thi công xây lắp, quản lý và triển khai các gói thầu/dự án quy mô lớn, làm cơ sở cho các công ty con, công ty liên kết.
- Tập trung tái cấu trúc toàn diện Tổng Công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý, điều hành, kiểm tra giám sát, quản trị rủi ro thông qua việc hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế quản trị nội bộ.
- Củng cố và tăng cường mối liên kết chặt chẽ giữa Công ty mẹ và các công ty con trên các mặt: việc làm, quản lý, điều hành, quan hệ kinh tế và phân chia lợi ích. Thực hiện cử nhân sự có trình độ, kinh nghiệm làm đại diện phần vốn góp của LICOGI tại các công ty con, công ty liên kết. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy chế quản lý vốn đầu tư của Tổng Công ty vào doanh nghiệp khác, trong đó, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn góp, nhằm đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của việc giám sát các khoản đầu tư ra bên ngoài.

I Định hướng chi tiết

Định hướng phát triển công nghệ

Tiếp tục tăng cường, đổi mới thiết bị và công nghệ thi công cọc khoan nhồi, tường vây thông qua việc ứng dụng công nghệ hiện đại và không ngừng cải tiến, đổi mới.

Nghiên cứu phát triển sản xuất tấm lợp theo công nghệ mới không sử dụng Amiăng; nâng cao chất lượng các sản phẩm đúc kim loại, nhôm thanh định hình, giàn không gian cho phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường và hiệu quả kinh doanh.

Chiến lược quản lý và điều hành sản xuất

Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho các cấp quản lý, trình độ tay nghề cho công nhân kỹ thuật để chủ động chuyển đổi, thích ứng với thị trường, đi đôi với việc đổi mới trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm.

Tập trung đấu thầu thi công các công trình có nguồn vốn rõ ràng, khả năng thanh toán nhanh; không ký các hợp đồng thi công công trình, dự án có giá thấp, khả năng thanh toán kém. Ưu tiên chú trọng đấu thầu các công trình, dự án xử lý nền móng, hạ tầng thuộc phân khúc thế mạnh, lợi thế cạnh tranh cốt lõi của LICOGI so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, đặc biệt trong việc huy động, giám sát và sử dụng vốn, cũng như đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ. Thực hiện tái cấu trúc toàn diện danh mục, cơ cấu nợ vay theo nguyên tắc giảm sự lệ thuộc vào các nguồn vốn giá cao, giảm mất cân đối giữa vay nợ và đầu tư từ nguồn vốn ngắn hạn.

Tăng cường công tác quản lý giá thành, định mức kinh tế kỹ thuật. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý ở tất cả các khâu, từ đấu thầu, quản lý hợp đồng, thi công, nghiệm thu, thanh - quyết toán. Hoàn thiện công tác giao khoán thầu thi công xây lắp đến từng đội sản xuất, chủ công trình, chi nhánh theo hướng quản lý tập trung, đảm bảo phân bổ và tính đủ chi phí của từng công trình nhằm khai thác, sử dụng và tiết kiệm có hiệu quả các nguồn lực để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Coi trọng công tác quản lý chất lượng, đảm bảo an toàn lao động. Khuyến khích đổi mới, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật nhằm làm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả, hiệu suất hoạt động.

Tăng cường công tác quản lý, quản trị rủi ro, hoàn chỉnh các quy chế, quy trình quản lý để hoạt động của Tổng công ty có hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật.

I Định hướng chi tiết (tiếp)

Chiến lược sản xuất xây lắp

Tập trung phát huy ngành nghề mũi nhọn về hạ tầng kỹ thuật và xử lý nền móng. Ngoài việc tiếp tục tham gia thi công hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, khu đô thị, xử lý nền móng các công trình ngầm, công trình cao tầng, nhà máy điện, xi măng..., ưu tiên bố trí nguồn lực đi sâu nghiên cứu và tham gia thi công các công trình giao thông.

Tăng cường các hoạt động liên doanh, liên kết với cổ đông lớn và các doanh nghiệp FDI là tổng thầu lớn mà những năm trước đây Tổng công ty đã tham gia thi công, được các doanh nghiệp này đánh giá cao.

Chiến lược sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng

Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho các cấp quản lý, Tiếp tục củng cố, đổi mới thiết bị công nghệ và phát triển các mặt hàng truyền thống, thế mạnh như: sản xuất vật liệu xây dựng (tấm lợp các loại, nhôm thanh định hình...), sản xuất sản phẩm cơ khí (bi đạn cho ngành xi măng, đúc thép, giàn khung không gian, gia công lắp dựng kết cấu phi tiêu chuẩn...) với mục tiêu nâng cao chất lượng và duy trì vị thế, thị phần đã xác lập.

Nghiên cứu chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng thân thiện với môi trường, trong đó, chú trọng phát triển các sản phẩm tấm phẳng (tấm lợp không sử dụng amiăng thay thế), gạch không nung, bê tông đúc sẵn.

Chiến lược đầu tư và xây dựng

Đầu tư các dự án đô thị và khu công nghiệp; Đẩy mạnh triển khai các dự án: Khu đô thị mới Thịnh Liệt, Trụ sở Tổng Công ty tại lô E7 Phạm Hùng; Đầu tư mới một số khu nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất phù hợp với chủ trương của Chính phủ. Nghiên cứu đầu tư nâng cao năng lực máy móc, thiết bị phục vụ thi công các công trình hạ tầng.



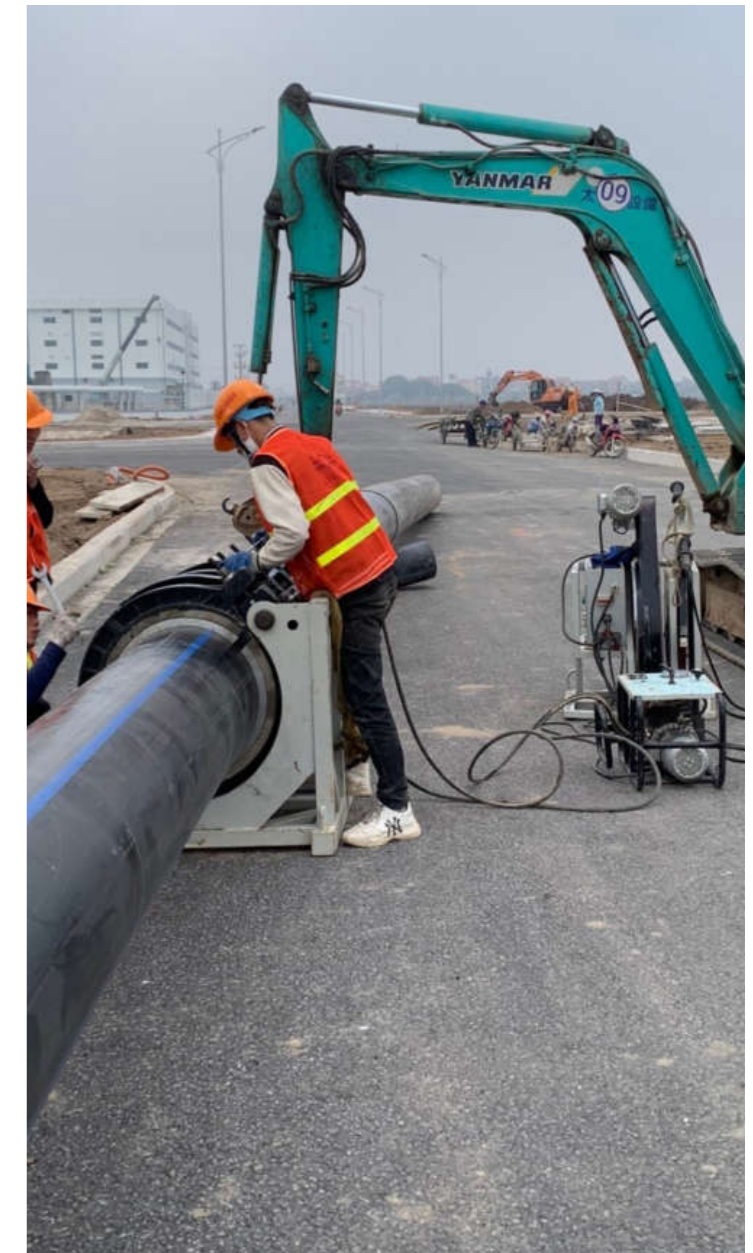
3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp
- Xây dựng các công trình giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm).
- Xây dựng các công trình thủy lợi, cấp thoát nước (đê, đập, kênh, mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bưu điện.
- Đầu tư kinh doanh các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật.
- Đưa chuyên gia và người lao động Việt nam đi làm việc ở nước ngoài.

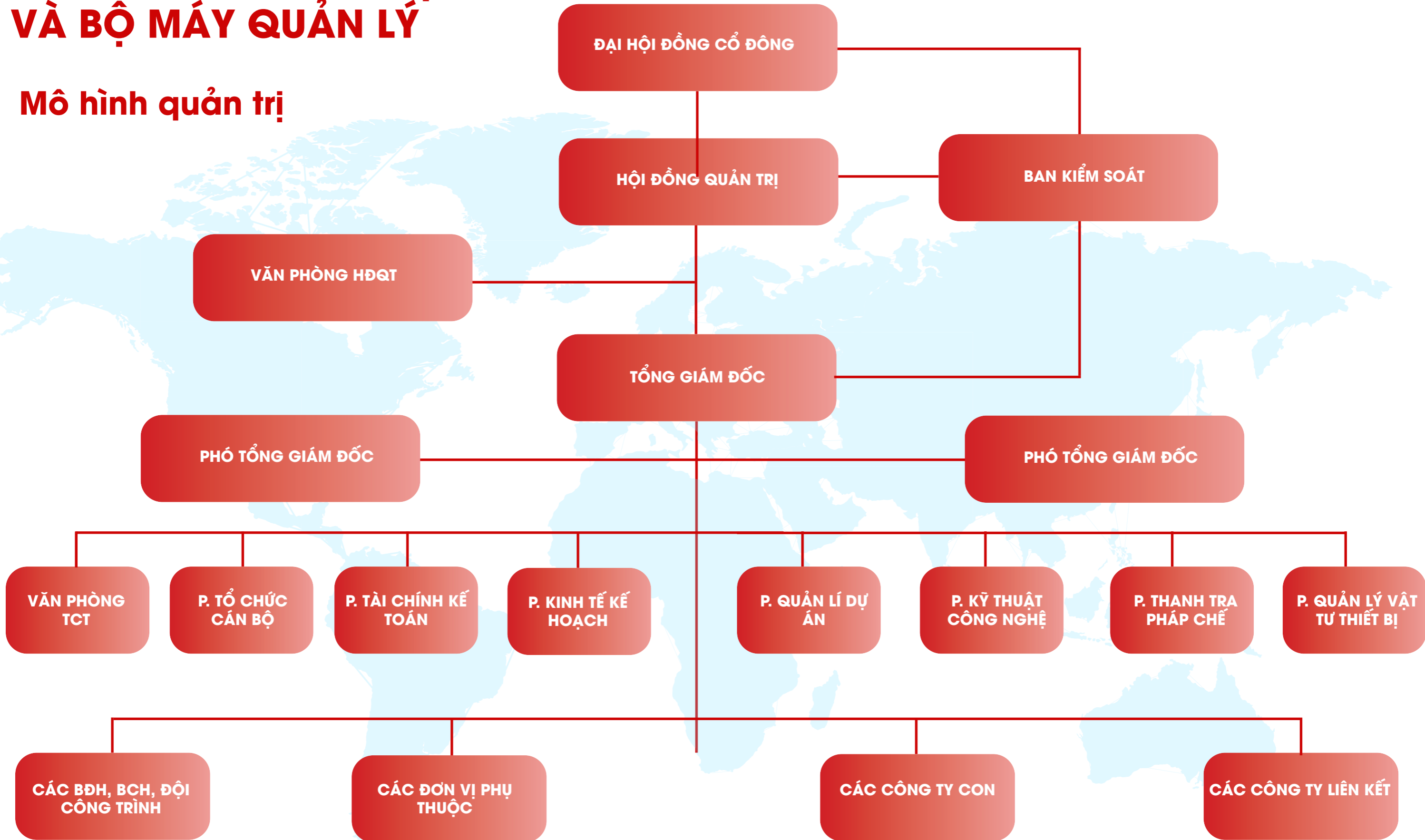
Địa bàn kinh doanh

- **Trong nước**
Thi công các công trình, đầu tư kinh doanh khu đô thị tại các tỉnh, Thành phố trong cả nước.
- **Nước ngoài:**
Xuất nhập khẩu máy, thiết bị, sản phẩm cơ khí, Xuất khẩu lao động và chuyên gia.



4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị



GIỚI THIỆU VỀ BAN LÃNH ĐẠO

I Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Ghi chú
1	Đình Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	0	Bổ nhiệm ngày 29/06/2021
2	Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT	0	Bổ nhiệm ngày 29/06/2021
3	Ứng Tiến Đỗ	Thành viên HĐQT	0	Bổ nhiệm ngày 24/06/2021
4	Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT	64	Bổ nhiệm ngày 24/06/2021
5	Nguyễn Trường Sơn	Thành viên HĐQT	0	Bổ nhiệm ngày 30/06/2022
6	Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên HĐQT	0	Miễn nhiệm ngày 30/06/2022

I Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng BKS	200	Miễn nhiệm ngày 30/06/2022
2	Phan Hải Triều	Trưởng BKS	0	Bổ nhiệm ngày 30/06/2022
3	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS	0	Bổ nhiệm ngày 24/06/2021
4	Nguyễn Thu Trang	Thành viên BKS	0	Miễn nhiệm ngày 30/06/2022
5	Dương Thị Phượng	Thành viên BKS	0	Bổ nhiệm ngày 30/06/2022

I Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Ghi chú
1	Phan Thanh Hải	Tổng giám đốc	0	Miễn nhiệm ngày 15/03/2022
2	Vũ Nguyên Vũ	Tổng giám đốc	0	Bổ nhiệm ngày 15/03/2022
3	Nguyễn Thanh Hợp	Phó Tổng giám đốc	0	Bổ nhiệm ngày 10/05/2022
4	Phan Đức Hùng	Phó Tổng giám đốc	0	Miễn nhiệm ngày 01/07/2022
5	Phan Lan Anh	Phó Tổng giám đốc	0	Miễn nhiệm ngày 01/01/2023
6	Nguyễn Anh Dũng	Kế toán trưởng	0	Bổ nhiệm ngày 23/07/2021

CÔNG TY CON VÀ LIÊN KẾT

I Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (Domatco)	Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi (CKĐA LI-COGI)	Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, sản xuất VLXD
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

I Công ty con (tiếp)

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 17	Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xử lý nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,92%	89,92%	Lắp đặt máy móc, thiết bị điện, nước
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 (Licogi 2)	Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản và thi công xây lắp
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	100,00%	Đầu tư, kinh doanh Bất động sản

I Công ty liên doanh

Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	Quảng Ngãi	1,16%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí IDICO Long Sơn	TP. Hồ Chí Minh	0,36%	Đầu tư khu công nghiệp, đầu tư, KD BĐS
Công ty CP Quản lý dự án và xây dựng Licogi	Hà Nội	10,00%	Xây dựng công trình dân dụng, quản lý dự án
Công ty CP Đầu tư xây dựng Vinashin-Licogi	Hà Nội	10,00%	Xây dựng các công trình thủy lợi, cảng

I Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	41,01%	41,01%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phú Thọ	22,22%	22,22%	Đầu tư, kinh doanh bất động sản; Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 12	Hà Nội	8,54%	8,54%	Thi công xây lắp, sản xuất VLXD, xử lý nền móng
Công ty Cổ phần Licogi 13	Hà Nội	3%	3%	Sản xuất KD điện, đầu tư kinh doanh BĐS; thi công xây lắp và xử lý nền móng
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng số 18	Hà Nội	4%	4%	Thi công xây lắp, đầu tư kinh doanh BĐS

5. VỊ THẾ CÔNG TY

I Vị thế

LICOGI có thế mạnh truyền thống trong lĩnh vực thi công cơ giới, xử lý nền móng, xây dựng các công trình ngầm, garage ngầm,... với lực lượng thiết bị hiện đại được nhập khẩu từ nhiều nước tiên tiến trên thế giới,...

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, hiện nay, LICOGI có đội ngũ nhân sự có nhiều kinh nghiệm, trong đó có nhiều cán bộ có trình độ đại học, trên đại học và công nhân kỹ thuật lành nghề được đào tạo chính quy ở trong và ngoài nước, với bề dày kinh nghiệm trong quản lý, tổ chức thi công đặc biệt là các công trình đòi hỏi ứng dụng công nghệ thi công hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Từ hiệu quả thi công công trình lớn, trọng điểm trên khắp mọi miền của Tổ quốc, thương hiệu LICOGI đã được các chủ đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao. Tên tuổi của LICOGI gắn với nhiều công trình, dự án quan trọng của quốc gia.

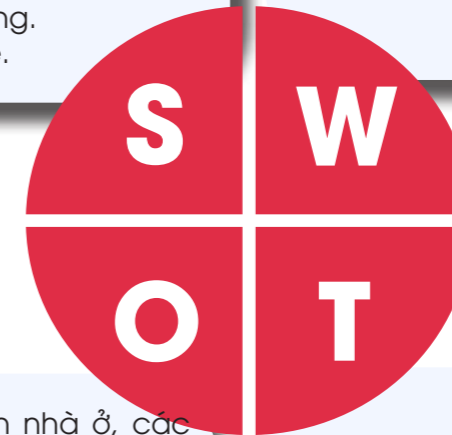
Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng, LICOGI cũng nắm giữ vị trí dẫn đầu thị trường như sản phẩm đúc, bi nghiền xi măng, giàn khung không gian, tấm lợp...



I Phân tích SWOT

- Chất lượng công trình, sản phẩm được Tổng công ty đặt lên hàng đầu, tạo được niềm tin với khách hàng. Đây cũng là một trong những yếu tố thuận lợi giúp Tổng công ty thu hút thêm lượng khách hàng tiềm năng.
- Đội ngũ cán bộ năng động, có trình độ chuyên môn, nhiệt huyết cao, tập thể đoàn kết, nhất trí, phát huy sức mạnh tập thể.
- Có chiến lược phát triển hàng năm cũng như trung và dài hạn; có năng lực sản xuất để đảm bảo thi công các công trình có quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao.
- Trải qua hơn 60 năm hình thành và phát triển, Tổng Công ty trở thành một trong những doanh nghiệp có uy tín trên thị trường trong lĩnh vực xây dựng.
- Lợi thế về thiết bị công nghệ.

- Với thị phần và quy mô vốn hóa của Tổng Công ty đang còn khá nhỏ so với nhiều đối thủ cạnh tranh.
- Tổng Công ty mới trở thành công ty đại chúng được gần 7 năm nên chưa gây dựng được thị phần trên hệ thống các doanh nghiệp xây dựng và toàn thị trường.



- Nhu cầu đầu tư phát triển nhà ở, các khu đô thị mới và các công trình cơ sở hạ tầng, năng lực ngày càng cao sẽ tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh cho Tổng công ty trong tương lai.
- Các năm sắp tới dự báo nhu cầu sẽ về nhà ở sẽ dần hồi phục, đặc biệt là nhu cầu về nhà ở xã hội và nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất. Ngoài ra, Nhà nước chủ trương cải cách hành chính, mở cửa thu hút vốn đầu tư, tham gia vào các Hiệp định tự do thương mại với đối tác nước ngoài lớn như Châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản. Ngành Xây dựng tiếp tục đã tăng trưởng do Việt Nam hiện vẫn là nước có lợi thế về nguồn nhân lực dồi dào, chi phí nhân công cạnh tranh trong khu vực tạo điều kiện để Tổng Công ty có điều kiện phát huy truyền thống chuyên ngành thi công hạ tầng, nền móng.
- Các chính sách Nhà nước khuyến khích tập trung đẩy nhanh tiến độ các công trình công như đường giao thông, sân bay, bến cảng tạo cơ hội việc làm cho các doanh nghiệp trong nước trong đó có LICOGI.

- Ngành Xây dựng vào giai đoạn giảm tốc, tình hình kinh tế vĩ mô và chính trị thế giới biến động gây nhiều khó khăn cho toàn Ngành trong đó có Tổng công ty.
- Giá cả nguyên vật liệu, nhiên liệu biến động làm giảm tính chủ động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
- Hội nhập phát triển mở cửa thị trường tạo cơ hội cho nhiều doanh nghiệp nước ngoài tiến vào thị trường Việt Nam, chính vì thế tạo ra áp lực cạnh tranh lên nhiều Công ty trong nước.
- Trên thị trường trong lĩnh vực xây dựng có rất nhiều doanh nghiệp đang hoạt động và cạnh tranh với nhau.

6. CÁC RỦI RO

01 Rủi ro về kinh tế

Năm 2022 đánh dấu một thời kì khó khăn cho nền kinh tế toàn cầu và trong nước. Các thách thức đa chiều đang dần định hình với tăng trưởng kinh tế và việc làm thấp, lạm phát gia tăng, mất ổn định an ninh lương thực và năng lượng, trở ngại trong tích lũy vốn, lao động và biến đổi khí hậu. Chi phí sinh hoạt tăng phi mã đi kèm việc thắt chặt các điều kiện tài chính đang diễn ra ở hầu hết các khu vực trong khi các lựa chọn chính sách hỗ trợ của chính phủ ngày càng thu hẹp lại. Trong bối cảnh khó khăn chung, khu vực Đông Nam Á và Việt Nam nói riêng đã trở thành điểm sáng tăng trưởng. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2022, kinh tế nước ta phục hồi mạnh mẽ và là năm đầu tiên trong giai đoạn 3 năm dịch Covid-19, Việt Nam đạt và vượt 13/15 chỉ tiêu kinh tế kế hoạch đặt ra, với tăng trưởng GDP 8,02%, trong đó khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%, đóng góp 38,24% vào tăng trưởng GDP. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm 2022 tăng 3,15% so với năm 2021, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2022 tăng 2,59% so với năm 2021 cho thấy nỗ lực của Nhà nước trong việc điều hành lãi suất và tiền tệ.

Tuy nhiên, trong báo cáo mới nhất, quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã cảnh báo nguy cơ nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại vào năm 2023, với các quốc gia chiếm khoảng một phần ba nền kinh tế toàn cầu có thể suy thoái trong giai đoạn 2022-2023. Do đó Việt Nam có khả năng sẽ đối mặt với rủi ro tăng trưởng kinh tế chậm lại với Việt Nam trong năm 2023.

Đối với ngành Xây dựng nói riêng, động lực tăng trưởng chính đến từ chủ trương tập trung vào đầu tư công của Chính phủ năm 2022 và các hạn chế giãn cách được gỡ bỏ. Tốc độ tăng trưởng của ngành Xây dựng ước đạt 8 - 8,5%; Tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc ước đạt 41,7%, tăng 1,2% so với năm 2021; Tỷ lệ lập quy hoạch chung đô thị đạt 100%; Diện tích bình quân nhà ở toàn quốc đạt khoảng 25,5 m²/người, tăng 0,5 m²/người so với năm 2021. Tuy nhiên, các nhà thầu trong năm 2022 đã phải đối mặt với các thách thức không hề nhỏ, bao gồm các vướng mắc về pháp lý, mặt bằng giá nguyên vật liệu xây dựng và chi phí lao động tăng cao kèm theo với mặt bằng lãi suất cao đã khiến cho biên lợi nhuận của các công ty xây dựng sụt giảm đáng kể.

Do đặc thù địa bàn hoạt động của Tổng công ty chủ yếu ở trong nước nên chịu ảnh hưởng sự phát triển chung của Việt Nam và của ngành Xây dựng; giá vật tư, nguồn vật liệu, nhiên liệu, nhân công biến động mạnh, đặc thù các công trình xây dựng trong thời gian dài, công tác thanh quyết toán của nhiều nhà đầu tư còn chậm làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả SXKD của Tổng công ty.

02 Rủi ro về pháp luật

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ chính sách Nhà nước, bất kỳ sự thay đổi nào có thể ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Tổng Công ty, sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các đạo luật tiếp tục được xây dựng, hoàn thiện và trình ban hành. Luật Quản lý phát triển đô thị, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Quy hoạch đô thị đã hoàn thành, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

03 Rủi ro về hoạt động

Về thị trường, đối thủ cạnh tranh: Ngành Xây dựng không có sản phẩm thay thế khác biệt nhiều, nhu cầu huy động vốn lớn và đòi hỏi chất lượng, tiến độ ngày càng cao. Tuy nhiên, rủi ro lớn nhất đối với Tổng công ty tới từ sức mạnh của khách hàng. Khách hàng trong lĩnh vực này thường có trình độ hiểu biết nhất định, theo các gói thầu kỹ lưỡng từ đầu tới cuối nên các doanh nghiệp xây dựng buộc phải áp mức giá thầu cạnh tranh. Hơn nữa, số lượng nhà thầu nhỏ lẻ tại Việt Nam tương đối nhiều nên rủi ro tới từ cạnh tranh vẫn hiện hữu, ảnh hưởng tới hoạt động của Tổng công ty.

Về lao động: Khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hàng loạt các công trình lớn do LICOGI thi công những năm trước đây đã đi vào giai đoạn quyết toán, bàn giao, công trình mới hầu như không có dẫn đến việc Tổng Công ty phải sắp xếp lại lao động, tinh giản biên chế. Vì vậy, khi triển khai thi công các công trình lớn sẽ gặp khó khăn trong công tác tuyển dụng nhân sự, đặc biệt là công nhân kỹ thuật và đòi hỏi Tổng công ty phải bỏ chi phí để đào tạo, kèm cặp làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

Về an toàn lao động: Trong các hoạt động thi công xây lắp, LICOGI luôn coi an toàn lao động là vấn đề quan trọng hàng đầu. Tuy nhiên, với đặc thù của ngành xây lắp là phải lao động trong nhiều điều kiện khó khăn (làm việc trên cao, tại khu vực địa hình hiểm trở,...) và đặc thù vận chuyển khối lượng nguyên vật liệu lớn, nguy cơ xảy ra mất an toàn rất có thể xảy ra.

04 Rủi ro về tài chính

Rủi ro tín dụng: Để thực hiện kinh doanh, doanh nghiệp có thể huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó một lượng vốn lớn được tài trợ từ vốn vay ngân hàng. Đồng thời, thị trường bất động sản có đặc thù chu kỳ phát triển dự án kéo dài 2-3 năm thậm chí 3-5 năm. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Năm 2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh tăng lãi suất điều hành nhằm kiểm soát lạm phát, gây khó khăn đối với các khoản vay tín dụng của Tổng Công ty.

Rủi ro tỷ giá: Năm 2022, nền kinh tế đối mặt với cú sốc tỷ giá. Đã có lúc, VND mất giá cao so với USD (mất gần 9%) trong tháng 11/2022. Tỷ giá sẽ tiếp tục chịu áp lực do NHNN có ít dư địa hỗ trợ tỷ giá hơn trước nếu đồng USD mạnh lên trong những tháng cuối năm 2022 và đầu năm 2023.

6. CÁC RỦI RO

05 Rủi ro về đặc thù ngành

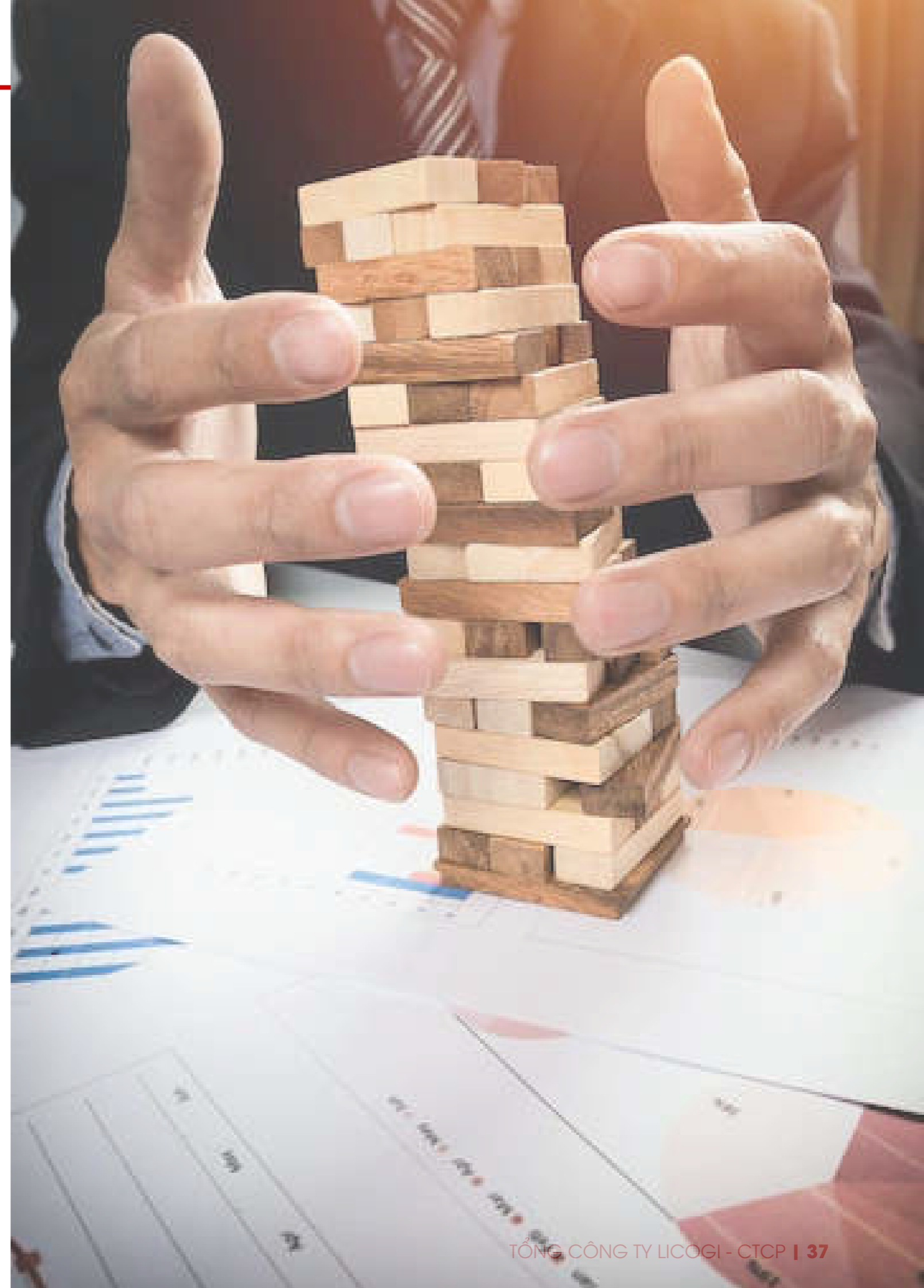
Đặc thù của ngành Xây dựng là công tác nghiệm thu, quyết toán công trình thường kéo dài; thông thường bị kéo dài (khoảng 2-3 tháng) thậm chí một vài năm, trong khi nhiều chủ đầu tư thiếu vốn, chưa hoàn thiện đủ các thủ tục pháp lý, giải ngân chậm trễ, ảnh hưởng không ít đến tiến độ thanh quyết toán, dẫn tới không phản ánh đúng hiệu quả kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Tổng công ty giữa các quý và các năm tài chính.

06 Rủi ro về môi trường

Các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty luôn tác động trực tiếp đến môi trường. Các dự án đang xây dựng có thể phát sinh ô nhiễm không khí, nguồn nước, ô nhiễm tiếng ồn cho môi trường xung quanh. Ngoài ra các dự án phức hợp quy mô lớn khi đã đi vào sử dụng có thể làm thay đổi môi trường sinh thái của các vùng lân cận. Điều này đòi hỏi mỗi một dự án đầu tư của Tổng công ty cần phải phân tích đánh giá kỹ lưỡng các tác động đến môi trường. Áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến, nguyên vật liệu ít gây ô nhiễm trong quá trình xây dựng.

07 Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, ... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Tổng Công ty. Những rủi ro này khó dự báo trước nên Tổng Công ty luôn đảm bảo an toàn tối đa trong hoạt động kinh doanh sản xuất, để phòng từ trước.



03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

2. Tổ chức và nhân sự

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

4. Tình hình tài chính

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thông tin ngành

Sau giai đoạn dịch bệnh kéo dài, hoạt động đầu tư công được coi là điểm sáng chính sách của Chính phủ nhằm kích thích tăng trưởng kinh tế qua chi tiêu khu vực công. Khởi động năm 2022 với những dự báo triển vọng sáng sủa khi nền kinh tế mở cửa trở lại, hàng loạt tên tuổi lớn trong Ngành đã kỳ vọng về một năm tài chính thành công. Tín hiệu tích cực đến ngay từ những tháng đầu năm khi backlog (giá trị hợp đồng chưa thực hiện) của các doanh nghiệp lớn về lĩnh vực xây dựng dân dụng tiếp tục lập đỉnh. Thêm vào đó, dòng vốn FDI tiếp tục đổ mạnh vào Việt Nam là điểm sáng đối với mảng xây dựng công nghiệp. Bên cạnh đó, một loạt các biện pháp hỗ trợ của Chính phủ được triển khai gần đây đã và đang tạo ra những xung lực mới cho các doanh nghiệp trong Ngành phục hồi và tăng tốc.

Thế nhưng tới cuối năm, bức tranh triển vọng Ngành đã bắt đầu phản ánh những sắc màu u ám, với kết quả kinh doanh không như kỳ vọng của nhiều “ông lớn” trong Ngành. Sau hàng loạt các biến động xấu liên quan tới thị trường trái phiếu và áp lực chi phí nguyên vật liệu tăng cao đã ảnh hưởng lớn tới biên lợi nhuận của các chủ thầu. Điều này đặt ra áp lực cạnh tranh gay gắt giữa các nhà thầu do khó tìm được đầu ra cho sản phẩm. Các tác động vĩ mô tiêu cực đồng thời khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó trong việc quản lý dòng tiền và gia tăng rủi ro nợ xấu.

Tại hội nghị tổng kết công tác năm 2022 và triển khai nhiệm vụ năm 2023, Bộ Xây dựng đã tổng kết một số chỉ tiêu trong năm, trong đó tốc độ tăng trưởng của ngành Xây dựng ước đạt 8-8,5%. So với năm 2021, tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc ước đạt 41,7%, tăng 1,2%; tỷ lệ lập quy hoạch chung đô thị đạt 100%; diện tích bình quân nhà ở toàn quốc đạt khoảng 25,5m² sàn/người, tăng 0,5m² sàn/người; cho thấy những nỗ lực tích cực của Ngành trong thời gian khó khăn vừa qua.

Giai đoạn 2023-2024 dự kiến sẽ là các năm trọng điểm giải ngân trong chu kỳ đầu tư công, hứa hẹn sẽ tạo động lực phát triển lớn cho Ngành. Dù vậy, bên cạnh những cơ hội như động lực từ đầu tư công, các chuyên gia nhận thấy doanh nghiệp xây dựng tiếp tục đối diện nhiều thách thức trong năm tiếp theo, nhất là trong bối cảnh thị trường bất động sản còn khó khăn.

Kết quả sản xuất kinh doanh qua các năm

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	2018	2019	2020	2021	2022	CAGR
Doanh thu thuần	2.602.118	2.305.321	2.187.968	1.988.415	1.988.205	-5,24%
Giá vốn	2.321.059	2.093.984	1.921.516	1.763.928	1.787.673	-5,09%
EBIT	176.110	59.397	146.986	273.121	262.146	8,28%
EBITDA	242.925	63.341	55.293	53.268	313.712	5,25%
Lợi nhuận trước thuế	66.724	-58.209	34.655	116.816	52.474	-4,69%
Lợi nhuận sau thuế	51.277	-64.012	23.024	103.487	44.291	-2,89%

Doanh thu thuần trong năm 2022 tiếp tục chững lại chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch Covid dẫn đến việc thi công một số công trình bị kéo dài, huy động nhân lực khó khăn khiến nghiệm thu thanh toán bị chậm trễ. Đối với các chỉ tiêu lợi nhuận, tình hình kinh doanh đã có khởi sắc, tuy không bùng nổ như năm 2021 nhưng cũng ghi nhận mức tăng so với năm 2019 và 2020 cho thấy khả năng sinh lời của LICOGI vẫn được duy trì ổn định. Tuy nhiên, việc chi phí lãi vay và tài chính tăng mạnh trong năm cũng ảnh hưởng tiêu cực tới lợi nhuận của Tổng Công ty.

Nhận thức sâu sắc tình thế hiện tại cùng viễn cảnh tương lai, Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã có những định hướng chiến lược thực tế, kịp thời và linh hoạt để tình hình hoạt động kinh doanh vẫn phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại các khoản đầu tư tại một số công ty con, công ty liên kết vào thời điểm thích hợp, LICOGI vẫn sẽ tiếp tục tập trung phát triển 3 lĩnh vực nòng cốt và đã tạo thành thương hiệu về chất lượng của Tổng công ty là: Xây lắp, Sản xuất công nghiệp - vật liệu xây dựng và Đầu tư khu đô thị nhà ở.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

| Cơ cấu lao động

Tiêu chí	2019		2021		2021		2022	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động	212		188		172		125	
Trình độ Đại học và trên Đại học	136	64%	109	58%	116	67%	95	76%
Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	9	4%	5	3%	6	4%	2	2%
Trình độ khác	67	32%	74	39%	50	29%	28	22%
Theo đối tượng lao động	212		188		172		125	
Lao động trực tiếp	76	36%	74	39%	56	33%	36	29%
Lao động gián tiếp	136	64%	114	61%	116	67%	89	71%
Theo giới tính								
Nam	166	78%	147	78%	129	75%	81	65%
Nữ	46	22%	41	22%	43	25%	44	35%
Theo thời hạn HĐLĐ	212		188		172		125	
Hợp đồng xác định thời hạn	81	38%	82	44%	53	30%	4	3%
Hợp đồng không xác định thời hạn	131	62%	105	56%	119	70%	15	12%
Hợp đồng không xác định thời hạn	131	62%	106	56%	119	70%	106	85%
Theo cấp quản lý	212		188		172		125	
Quản lý	58	27%	37	20%	36	21%	35	28%
Chuyên viên, nhân viên	154	73%	151	80%	136	79%	90	72%
Theo độ tuổi	212		188		172		125	
Từ 18 đến 25 tuổi	5	2%	3	2%	2	1%	2	2%
Từ 26 đến 35 tuổi	59	28%	48	25%	35	20%	20	16%
Từ 36 đến 45 tuổi	89	42%	88	47%	80	47%	60	48%
Trên 45 tuổi	59	28%	49	26%	55	32%	43	34%

| Chính sách với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Tổng Công ty. Bên cạnh việc thu hút nhân tài, Tổng Công ty luôn duy trì hướng đến một môi trường lao động tốt, tạo điều kiện tối đa để mỗi cá nhân phát huy kinh nghiệm, năng lực của mình.

Về thời gian làm việc: Tổng Công ty tổ chức làm việc 8 tiếng/ngày, 5 ngày/tuần. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản theo quy định của Bộ luật Lao động. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Tổng Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Việc phân phối tiền lương, tiền thưởng được gắn liền với hiệu quả làm việc của người lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Nhà nước. Tổng Công ty thực hiện chính sách trả lương theo chức danh công việc cho người lao động. Người lao động làm việc theo chức danh công việc gì thì hưởng lương theo chức danh công việc đó. Khi thay đổi công việc, thay đổi chức vụ thì hưởng lương theo công việc mới, chức vụ mới nhằm đảm bảo công bằng, công khai, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cao.

- Quy định về xét tăng lương hàng năm cho người lao động đảm bảo tính minh bạch công khai.
- Tổng Công ty đã thực hiện khen thưởng cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có sáng kiến cải tiến được áp dụng mang lại hiệu quả cao.
- Thực hiện các chế độ bảo đảm cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- Tổng Công ty luôn tuân thủ các quy định của Bộ Luật Lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.
- Luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, có chế độ bồi dưỡng đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc, có chế độ tham quan nghỉ mát hàng năm, quan tâm tới người lao động trong các ngày lễ tết.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tình hình thực hiện các dự án năm 2022

Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt (Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI làm chủ đầu tư):

1. Tình hình thực hiện dự án:

- Các thủ tục hành chính, pháp lý: Trong năm 2022, Công ty tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến công tác đầu tư để chuẩn bị triển khai dự án như làm việc với cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện hồ sơ xin điều chỉnh Quyết định giao đất và nộp tiền sử dụng đất, xin đấu nối cấp điện. Tuy nhiên, do chậm triển khai nên nhiều thủ tục thỏa thuận chuyên ngành đã hết hiệu lực như các thỏa thuận đấu nối cấp điện, phê duyệt ĐTM (Đánh giá tác động môi trường) của Dự án...
- Công tác giải phóng mặt bằng: Trong năm 2022, Công ty tập trung vào công tác vận động các hộ dân đã có phương án được phê duyệt nhận tiền và bàn giao mặt bằng; Phối hợp với UBND quận Hoàng Mai, Phường Thịnh Liệt giải quyết đơn khiếu nại, kiến nghị của các hộ dân; Trình phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án đối với các hộ cần điều chỉnh; Tham dự các buổi làm việc, các phiên tòa xét xử vụ kiện hành chính của các hộ dân theo giấy triệu tập của Tòa án; Tham gia làm việc, giải trình với Đoàn Thanh tra quận Hoàng Mai về Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

2. Dự kiến kế hoạch năm 2023:

- Công tác đền bù GPMB: Lập kế hoạch GPMB giai đoạn 2 đối với phần diện tích còn lại tại 3 phường.
- Công tác đầu tư xây dựng:
 - + Điều chỉnh Chủ trương đầu tư do đã vượt quá tiến độ thực hiện Dự án theo Chủ trương đầu tư được phê duyệt tại Quyết định số 6429/QĐ-UBND ngày 15/09/2017 của UBND Thành phố Hà Nội;
 - + Điều chỉnh hoặc thực hiện lại các thỏa thuận đấu nối hạ tầng (nếu cần), các quyết định phê duyệt ĐTM đã hết hiệu lực.
 - + Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết với cơ quan quản lý nhà nước để đủ điều kiện triển khai dự án.
 - + Thi công, lắp đặt các hạng mục theo thiết kế chi tiết Tổng mặt bằng được phê duyệt để phục vụ thi công các dự án thành phần như Hạ tầng, Khu nhà thấp tầng theo kế hoạch, nếu đủ điều kiện triển khai.

Tình hình thực hiện các dự án năm 2022

Dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở Tổng công ty LICOGI tại ô đất 07-E7 khu đô thị mới Cầu Giấy

1. Tình hình thực hiện dự án:

- Đã lựa chọn đơn vị tư vấn lập thiết kế tổng mặt bằng và phương án kiến trúc công trình và đã được Sở Quy hoạch Kiến trúc cho ý kiến để hoàn chỉnh phương án quy hoạch tổng mặt và phương án kiến trúc sơ bộ; Đã lập hồ sơ đề xuất dự án trình Sở Kế hoạch Đầu tư xin chấp thuận chủ trương đầu tư trình UBND Thành phố phê duyệt theo đúng các quy định của pháp luật của nhà nước về đầu tư, đất đai, kinh doanh bất động sản.
- Tổng công ty đã hoàn thiện hồ sơ đề xuất theo ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư và được các sở ngành chức năng thông qua. Hiện nay đang chờ UBND Thành phố xem xét lại các vấn đề có liên quan trước khi quyết định.

2. Dự kiến kế hoạch năm 2023:

- Được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.
- Được Sở Quy hoạch Kiến trúc chấp thuận phương án kiến trúc và Tổng mặt bằng.
- Hoàn thành việc lập và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và các hồ sơ pháp lý khác có liên quan để đảm bảo khởi công vào cuối năm 2023.
- Chi phí dự kiến năm 2023: 6,5 tỷ. Dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở Tổng công ty LICOGI tại ô đất 07-E7 khu đô thị mới Cầu Giấy.

Các dự án của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2:

1. Tình hình thực hiện dự án:

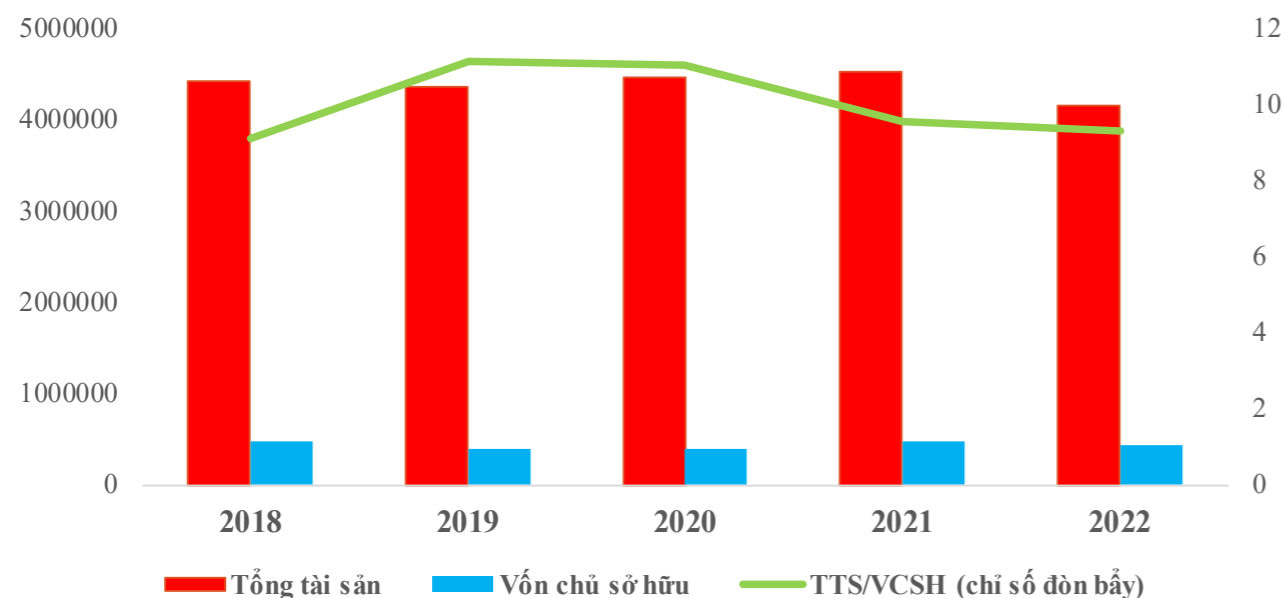
- Đối với công tác phát triển các dự án mới: Trong thời gian qua, Công ty đã tích cực tìm kiếm, tiếp cận một số dự án khu vực TP Hạ Long và các tỉnh lân cận như dự án thuộc tỉnh Yên Bái, Thanh Hóa để đầu tư các khu dân cư đô thị mới. Tuy nhiên, trong năm 2022 tình hình kinh tế diễn biến phức tạp, thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn. Dự án xây dựng chung cư lô DV5 khu đô thị Cột 5- Cột 8 mở rộng không triển khai được do lô đất DV5 mục đích sử dụng là đất dịch vụ thương mại không chuyển được sang mục đích ở hỗn hợp. Do đó vẫn chưa có dự án mới nào được triển khai. Công ty sẽ cố gắng xúc tiến để có thể đưa dự án đang tiếp cận sẽ được triển khai thực hiện trong thời gian sớm nhất.
- Dự án khu đô thị Nam Ga Hạ Long đã thi công xong toàn bộ hạ tầng kỹ thuật. Công tác bàn giao các hạng mục kỹ thuật cho địa phương quản lý đến nay còn Trạm xử lý nước thải đang làm thủ tục bàn giao.
- Dự án xây thô các căn hộ bám đường 18A: Công ty đã tiến hành thi công hoàn thiện 69/84 căn hộ và đang làm các thủ tục để bàn giao cho hộ dân. Các căn hộ còn lại: một số căn đã cấp bìa đồ, một số căn các hộ dân đã tự xây kiên cố theo quy hoạch trước đó vì vậy không tiến hành triển khai thi công.

2. Dự kiến kế hoạch năm 2023:

- Tập trung hoàn thiện các thủ tục phê duyệt giá đất chính thức, hoàn thành nghĩa vụ tài chính dự án Khu đô thị Nam Ga Hạ Long làm cơ sở cấp sổ đỏ và ghi nhận doanh thu các ô đất còn lại trong năm nay.
- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để có thể triển khai thi công dự án Chung cư DV3 khu đô thị Nam Ga vào quý IV năm 2023.
- Tìm kiếm đối tác phù hợp để khai thác lô đất DV5.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu
(triệu đồng)



Tổng tài sản năm 2022 giảm khoảng 8,5% so với năm 2021. Điều này chủ yếu đến từ mức giảm tài sản ngắn hạn, bao gồm tiền và các khoản phải thu. Năm 2022, đối mặt với áp lực lãi vay trong môi trường lạm phát cộng với việc nền kinh tế suy yếu đã có những tác động không nhỏ tới tài sản ngắn hạn của LICOGI. Lượng tiền và tương đương tiền của Tổng Công ty trong năm 2022 giảm 72,6% so với năm 2021 trong khi đó các khoản phải thu cũng ghi nhận mức giảm đáng kể (trên 28%). Tài sản dài hạn của Tổng công ty năm 2022 là 2.199.547 triệu đồng, chiếm 52,9% tổng tài sản, không ghi nhận nhiều biến động, tập trung chủ yếu ở khoản tài sản cố định và tài sản dở dang dài hạn.

Vốn chủ sở hữu giảm 30 tỷ đồng, chủ yếu do khoản giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do hợp nhất CTCP Licogi 14 (công ty liên kết của Tổng Công ty). Năm 2022, Tổng Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế 44.290 triệu đồng, giảm 57% so với cùng kỳ.

Chỉ số đòn bẩy trong năm được duy trì ổn định cho thấy Tổng Công ty đã có những nỗ lực nhằm đảm bảo cơ cấu nguồn vốn ổn định, giảm thiểu tối đa tác động của môi trường lãi suất cao tới hoạt động của Tổng Công ty.

Năm 2022, khả năng sinh lời của toàn Ngành nói chung và Tổng Công ty nói riêng đã bị tác động sâu sắc bởi môi trường vĩ mô bất ổn. Lợi nhuận của Tổng Công ty bị giảm đáng kể, chủ yếu đến từ các yếu tố:

- Mặt bằng giá nhiều loại vật liệu xây dựng quan trọng như thép, xi măng, cát, xăng, dầu Diesel... đã tăng phi mã trong thời gian dài.
- Chi phí lao động tại công trường tăng cao, đặc biệt tại các thành phố lớn do một lượng không nhỏ lao động phổ thông lựa chọn trở về quê trong đại dịch và chưa tham gia lại thị trường lao động.
- Cạnh tranh gay gắt giữa các nhà thầu trong và ngoài nước.

Các chỉ số về khả năng thanh toán được duy trì ổn định đi kèm với chỉ số đòn bẩy giảm trong bối cảnh thị trường khó khăn cho thấy Ban lãnh đạo Tổng công ty đã có những chính sách phù hợp để thích ứng với các bất ổn trong năm 2022.

Các chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ số	ĐVT	2020	2021	2022
NHÓM CHỈ SỐ KHẢ NĂNG THANH KHOẢN				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	0,61	0,63	0,60
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,44	0,44	0,36
Khả năng chi trả lãi vay	lần	1,31	1,75	1,25
NHÓM CHỈ SỐ ĐÒN BẨY				
Nợ phải trả / Tổng tài sản	lần	0,91	0,90	0,87
Nợ phải trả / VCSH	lần	10,03	8,55	8,34
Chỉ số đòn bẩy	lần	11,03	9,55	9,34
NHÓM CHỈ SỐ VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG				
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	2,97	2,61	2,35
Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,50	0,44	0,45
NHÓM CHỈ SỐ VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI				
Biên lợi nhuận gộp	%	1,05	5,20	2,23
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	5,69	21,77	9,95
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,52	2,28	1,07
Biên lợi nhuận kinh doanh	%	2,21	7,34	4,55

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

| Thông tin cổ phiếu

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng Công ty Licogi - CTCP

Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	Mã chứng khoán	LIC	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/CP
----------------------	--------------------	-----------------------	-----	--------------------------	----------------

Sàn giao dịch: Upcom

Số cổ phiếu phổ thông	90.000.000	Số cổ phiếu ưu đãi	-	Số cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000
------------------------------	------------	---------------------------	---	----------------------------------	------------

Tổng số cổ phiếu quỹ	-	Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	90.000.000
-----------------------------	---	--	------------

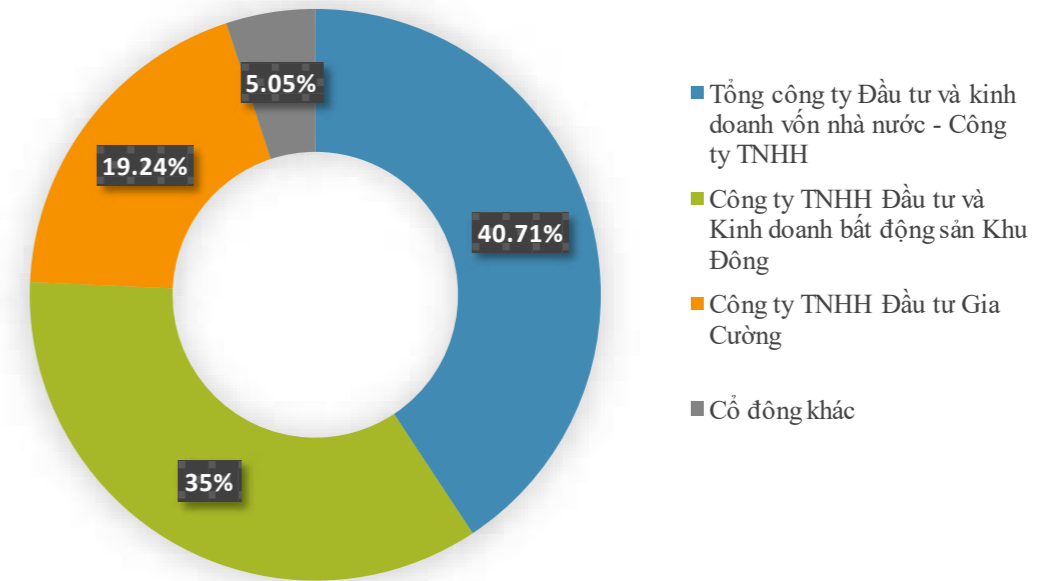
Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2022: Không

| Biểu đồ giá và khối lượng giao dịch LIC năm 2022

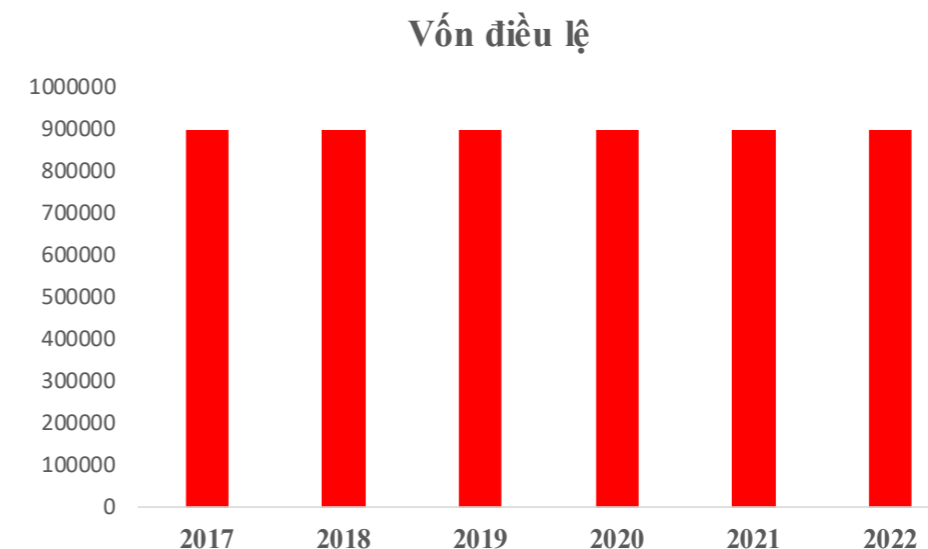


| Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông



| Lịch sử tăng vốn



Tổng Công ty chưa thực hiện tăng vốn điều lệ kể từ khi trở thành Công ty Cổ phần.

04 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

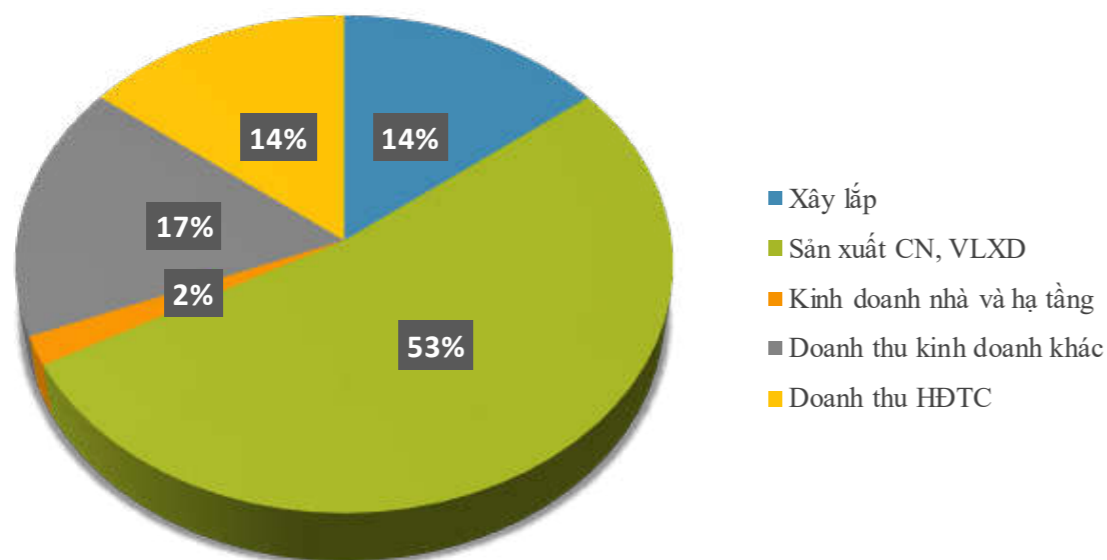
1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ngoài trừ



1. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

Cơ cấu doanh thu



Tổng Công ty là đơn vị có truyền thống trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng và đặc biệt là các công trình xử lý nền móng và hạ tầng kỹ thuật, các công trình thủy điện, nhiệt điện có đội ngũ cán bộ kỹ thuật dày kinh nghiệm và công nhân lành nghề, công nghệ thi công hiện đại, tiên tiến đảm bảo thi công được các dự án lớn, có yêu cầu kỹ thuật phức tạp. Tuy nhiên, công việc còn ít do các công trình thủy điện, nhiệt điện lớn mà Tổng Công ty giữ vai trò tổng thầu và tham gia trong tổ hợp nhà thầu đã hoàn thành, các dự án đầu tư của Tổng Công ty triển khai còn chậm.

Hơn nữa, tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt ở hầu hết các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Sự biến động của giá cả thị trường gây ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất chung.

Cơ cấu doanh thu của Tổng công ty không biến đổi quá nhiều, doanh thu về sản xuất công nghiệp, kinh doanh vật liệu xây dựng vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu (chiếm hơn 50%). Các mảng xây lắp và hoạt động khác đóng góp lần lượt 14% và 17% vào cơ cấu doanh thu của LICOGI. Riêng doanh thu từ hoạt động tài chính có sự tăng trưởng, chiếm tới 14% cơ cấu doanh thu. Nguyên nhân chủ yếu tới từ các hoạt động thoái vốn tại công ty liên kết đem về nguồn thu tương đối cho Tổng công ty.

Đánh giá về tình hình thực hiện kế hoạch

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	KH 2022	TH 2022	Tỉ trọng TH/KH
Doanh thu Xây lắp	558.168	336.338	60,26%
Doanh thu Sản xuất CN, VLXD	1.332.516	1.220.745	91,61%
Doanh thu Kinh doanh nhà và hạ tầng	213.155	43.640	20,47%
Doanh thu kinh doanh khác	279.037	387.483	138,86%
Doanh thu hoạt động tài chính	217.884	337.229	154,77%
Tổng Doanh thu	2.600.761	2.325.434	89,41%

Năm 2022, doanh thu hợp nhất đã thực hiện của Tổng Công ty là 2.325.434 triệu đồng đạt 89% kế hoạch (trong đó: doanh thu xây lắp 336.338 triệu đồng đạt 60,26% kế hoạch và doanh thu từ hoạt động tài chính: 337.299 triệu đồng).

Mặc dù doanh thu thấp nhưng do việc thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty CP LICOGI 14 đem lại nguồn thu từ hoạt động tài chính nên trong năm 2022 Công ty mẹ vẫn đạt lợi nhuận trước thuế 12,55 tỷ đồng và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách Nhà nước.

Tình hình thực hiện sản xuất xây lắp thấp chủ yếu là do một số nguyên nhân:

- Do ảnh hưởng của dịch Covid 19 một số công trình thi công bị kéo dài, việc huy động nhân lực khó khăn; nghiệm thu thanh toán bị chậm trễ. Bên cạnh đó một số dự án vừa thiết kế vừa thi công, bàn giao mặt bằng chậm cũng ảnh hưởng không nhỏ đến giá trị sản xuất xây lắp.
- Lãi suất các ngân hàng tăng cao, thắt chặt tín dụng, rủi ro do phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp. Đồng thời giá nhiên liệu thế giới tăng cao dẫn đến giá cả vật tư, vật liệu biến động cũng là nguyên nhân không nhỏ dẫn đến việc các dự án của Chủ đầu tư bị tạm hoãn, giãn. Việc Chủ đầu tư chậm triển khai các công trình dẫn đến công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm rất khó khăn.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

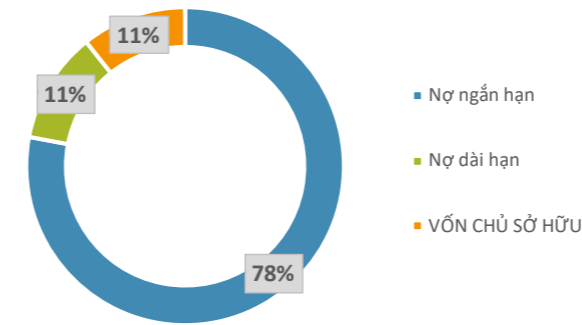
Chỉ tiêu (Triệu đồng)	2018	2019	2020	2021	2022
Tài sản ngắn hạn	2.043.770	2.021.795	2.183.564	2.269.676	1.958.650
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.778	210.867	187.909	296.587	81.369
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.818	52.328	86.455	13.983	188.931
Phải thu ngắn hạn	1.168.559	11.082.146	1.282.752	1.219.513	876.617
Hàng tồn kho	716.782	651.788	602.693	707.457	780.010
Tài sản ngắn hạn khác	28.833	24.667	23.756	32.136	31.722
Tài sản dài hạn	2.383.992	22.346.597	2.278.430	2.272.483	2.199.547
Các khoản phải thu dài hạn	166.109	166.126	1.111	518	1.388
Tài sản cố định	461.661	443.908	394.458	333.237	286.383
Bất động sản đầu tư	2.663	2.663	2.663	4.021	4.021
Tài sản dở dang dài hạn	1.036.176	1.002.346	1.106.383	1.127.123	1.142.135
Đầu tư tài chính dài hạn	675.729	691.005	735.308	771.921	735.436
Tài sản dài hạn khác	41.654	40.550	38.508	35.663	30.184
Tổng tài sản	4.427.761	4.368.392	4.461.994	4.542.159	4.158.197

Tổng tài sản năm 2022 đạt 4.158.197 triệu đồng, giảm 8,45% so với cuối năm 2021. Cùng chiều với xu hướng giảm của tổng tài sản, tài sản ngắn hạn của Tổng công ty cũng ghi nhận mức giảm 13,70% trong tình hình kinh tế biến động bất lợi cho toàn ngành, tài sản dài hạn của Tổng Công ty giảm nhẹ (3,21%) chủ yếu do khấu hao tài sản cố định. Các hạng mục khác không có nhiều biến động so với năm 2021.

Đối với tài sản ngắn hạn có sự thay đổi về cơ cấu cụ thể: Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 1251,17% so với năm 2021 (năm 2021 đạt 13.983 triệu đồng, năm 2022 đạt 188.931 triệu đồng). Trong khi đó, tiền và các khoản tương đương tiền giảm 72,56% so năm 2021. Sự thay đổi lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn tới từ việc Tổng công ty đã đem lượng đáng kể tiền mặt gửi ngân hàng nhằm tận dụng môi trường lãi suất huy động tăng cao trong năm 2022.

Tình hình nợ phải trả

Cơ cấu nguồn vốn 2022



Cơ cấu nguồn vốn của Tổng Công ty tập trung chủ yếu ở nợ phải trả với tỷ trọng hơn 89% so với tổng nguồn vốn, trong đó tỷ trọng nợ ngắn hạn chiếm gần 78% năm 2022.

Tỷ lệ đòn bẩy của Tổng Công ty được sử dụng ở mức cao nhưng đã có dấu hiệu giảm so với năm 2021. Bên cạnh đó, LICOGI tiếp tục duy trì tính thận trọng cao trong việc kiểm soát các khoản vay ngắn hạn và khoản phải trả nhằm kiểm soát cơ cấu vốn một cách hợp lý.

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	2018	2019	2020	2021	2022
Nợ ngắn hạn	3.509.548	3.392.892	3.577.842	3.588.310	3.241.627
Người mua trả tiền trước	291.210	314.755	336.038	345.545	247.963
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	167.456	174.993	185.206	179.567	174.367
Phải trả	1.230.642	1.261.404	1.332.125	1.361.269	1.333.762
Vay ngắn hạn	1.813.117	1.630.291	1.715.839	1.682.316	1.464.327
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.122	11.449	8.634	19.613	21.208
Nợ dài hạn	433.708	583.065	479.719	478.446	471.436
Doanh thu chưa thực hiện	2.104	2.960	1.542	1.145	411
Phải trả dài hạn khác	321.088	234.021	233.834	68.594	68.819
Vay dài hạn	102.605	338.199	239.428	397.604	392.356
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.142	2.079	2.071	1.935	1.928
Dự phòng các khoản công nợ dài hạn	5.769	5.806	2.844	9.168	7.922
Vốn chủ sở hữu	484.506	392.435	404.433	475.403	445.134

Kết thúc năm 2022, cùng với biến động của tài sản, nợ ngắn hạn của Tổng Công ty cũng ghi nhận mức giảm 9,66% từ 3.588 tỷ đồng năm 2021 xuống 3.241 tỷ đồng vào năm 2021. Ngoài ra nợ dài hạn có xu hướng duy trì ổn định, chủ yếu do LICOGI đã kiểm soát tốt được các khoản vay dài hạn.

Trong năm 2022, LICOGI đã chủ động giảm các khoản vay ngắn hạn do tình hình thị trường vốn gặp khó khăn. Ngoài ra, bối cảnh thị trường chung gặp nhiều khó khăn cũng khiến LICOGI khó tiếp cận được đầu ra cho sản phẩm, khiến chỉ tiêu người mua trả tiền trước giảm 28,24% so với năm 2021.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công tác phát triển nguồn nhân lực:

- Tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp có chất lượng cao về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, ngoại ngữ và kiến thức ở các lĩnh vực liên quan khác đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển của Tổng công ty.
- Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, thu nhập của người lao động theo hướng phát huy năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm và hiệu quả công tác. Động viên, khuyến khích người lao động nỗ lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn. Phối hợp với tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

Phương hướng phát triển:

- Tập trung nguồn lực hiện có, phát huy lợi thế, phát triển các ngành nghề Thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm.
- Phát triển và phát huy thế mạnh về thi công hạ tầng, đặc biệt là các công trình hạ tầng về giao thông, hạ tầng đô thị.
- Tập trung nguồn lực để làm tổng thầu các công trình xây dựng mà Chủ đầu tư là cổ đông lớn, đối tác chiến lược của Tổng công ty LICOGI.
- Xây dựng lực lượng CBCNV ổn định tư tưởng, hoàn thiện tổ chức, hoạt động một cách hiệu quả, đổi mới quản trị theo chuẩn mực và thông lệ tiên tiến, phù hợp với đặc thù hoạt động thi công xây lắp.
- Củng cố và phát triển thương hiệu, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường về các lĩnh vực: Thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm. Phấn đấu đạt và vượt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước được ĐHĐCĐ thường niên 2023 thông qua.

4. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRƯ

Trên báo cáo tài chính năm 2022, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

a. Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

Tính đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 393,1 tỷ đồng. Trong năm 2022, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện vốn hóa lãi vay vào "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" là 2,1 tỷ đồng. Theo đó, tổng giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 395,2 tỷ đồng. Ví dụ án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên Kiểm toán không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

Dự án khu đô thị Thịnh Liệt được Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi-CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị Licogi. Các chi phí lãi vay vốn hóa liên quan trực tiếp đến dự án này, tuy nhiên dự án kéo dài vì các yếu tố khách quan. Đến thời điểm hiện tại, Dự án vẫn đang trong quá trình đền bù giải phóng mặt bằng và tiếp tục thực hiện trong thời gian tới nên Tổng Công ty vẫn tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay liên quan đến Dự án này mà không tạm dừng vốn hóa chi phí lãi vay. Đồng thời, khi thành lập các Công ty con là Công ty TNHH MTV nhà ở đô thị Licogi và Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2, Tổng Công ty xác định các chi phí lãi vay vốn hóa này là một phần tài sản góp vốn khi thành lập công ty con.

Vấn đề này được khắc phục khi Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI thực hiện kinh doanh dự án, có lợi nhuận, khi đó Tổng công ty sẽ thu hồi được vốn đã đầu tư.

b. Công nợ phải thu và công nợ phải trả

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2022, các công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ cũng như đánh giá tổn thất của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể: Công ty Cổ phần Licogi 15: 79,5 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi: 8,6 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 89,9 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Licogi 10: 34,6 tỷ đồng.

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2022, tại các công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả, nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau : Công ty Cổ phần Licogi 15: 106,66 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi: 21,3 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 84,5 tỷ đồng; Công ty Cổ phần Licogi 10: 63,4 tỷ đồng.

4. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRÙ

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến các khoản nợ phải thu, nợ phải trả

Các nội dung trên là những tồn tại của các công ty con đã phát sinh từ lâu, chưa có khả năng khắc phục do nhiều nguyên nhân như quá trình quyết toán công trình, dự án chưa hoàn thành, phát sinh kiện tụng, khó khăn về tài chính nên việc đối chiếu công nợ với khách hàng gặp khó khăn hoặc do các chủ đầu tư, nhà thầu chính chây ỳ, né tránh việc thực hiện đối chiếu công nợ vì sợ bị đòi nợ Các nội dung này cũng đã được ghi nhận trong ý kiến ngoại trừ của KTV tại các BCTC kiểm toán từ năm 2016 đến nay.

c. Hàng tồn kho

Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2022 của các Công ty con của Tổng công ty lần lượt là như sau: Công ty cổ phần Licogi 10: 66,9 tỷ đồng, 78,9 tỷ đồng; Công ty cổ phần Licogi 15: 12,06 tỷ đồng và 14,06 tỷ đồng; Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 48,3 tỷ đồng và 20,3 tỷ đồng.

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến hàng tồn kho

Do đặc thù là đơn vị xây lắp các công trình thi công tại nhiều nơi, ở xa và các hạng mục công trình phức tạp, đặc biệt là Công ty cổ phần Licogi 10 và Công ty cổ phần Licogi 15 là những đơn vị có các công trình đang thi công ở Lào và các tỉnh miền Trung.

d. Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến một số vấn đề khác

Công ty CP Licogi 15 chưa ghi nhận các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022. Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định chi phí lãi vay và các khoản phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Công ty kiểm toán liên quan đến các vấn đề trên

LICOGI 15 là Công ty có tình hình sản xuất kinh doanh đặc biệt khó khăn, thua lỗ kéo dài, hóa đơn bị cưỡng chế, phong tỏa tài khoản để nộp thuế nên phải xin xuất hóa đơn lẻ từng lần, gây khó khăn cho doanh nghiệp vì không có vốn để hoạt động. Vấn đề này cũng đã được kiểm toán nêu ra từ các báo cáo tài chính các năm trước và đến nay vẫn chưa khắc phục được. Ý kiến kiểm toán này có thể xóa bỏ khi LICOGI 15 khắc phục được những vấn đề trên.



05 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của Tổng Công ty
2. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc
3. Kế hoạch và định hướng của HĐQT



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Năm 2022, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tích cực, chủ động đưa nhiều giải pháp hữu hiệu, đồng bộ và tăng cường chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nắm bắt cơ hội, vượt qua những khó khăn thách thức, để hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra.

| Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành

Trên cơ sở mức nền giảm năm 2021, nền kinh tế năm 2022 của Việt Nam chứng kiến sự khởi sắc trên hầu hết các lĩnh vực. Nhiều nhóm ngành đã hồi phục mạnh mẽ với mức tăng trưởng cao. Theo Tổng cục Thống kê, hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi tích cực ở cả ba khu vực kinh tế. GDP năm 2022 tăng cao ở mức 8,02% so với năm trước, là mức tăng cao nhất các năm trong giai đoạn 2021 - 2022. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,36%. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,78% trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 8,1%. Khu vực dịch vụ tăng 9,99%, trong đó nhiều ngành dịch vụ thị trường tăng cao như: bán buôn, bán lẻ; vận tải kho bãi; dịch vụ lưu trú và ăn uống; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm.

Đối với ngành Xây dựng, sau giai đoạn Covid kéo dài, hoạt động đầu tư công được coi là một trong những chính sách quan trọng để giúp Chính phủ kích thích tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, sang năm 2022, giá nguyên vật liệu xây dựng chủ chốt tăng mạnh (thép, xi măng, đá) khiến công tác giải ngân đầu tư công đặc biệt ở hạng mục xây dựng hạ tầng giao thông bị đình trệ. Theo Bộ Tài chính, tỷ lệ ước giải ngân vốn đầu tư công 12 tháng năm 2022 đạt 67,27% kế hoạch. Nếu so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, thì tỷ lệ giải ngân đạt 75,11%, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2021 (77,30%). Ngoài ra, chi phí lãi vay tăng cao cũng khiến kết quả kinh doanh của nhóm này khá ảm đạm. Trong bối cảnh thị trường bất động sản (BDS) vẫn còn khó khăn, hầu hết các nhà thầu xây dựng bị nợ đọng kéo dài do chủ đầu tư mất khả năng chi trả hoặc chây ì trả nợ. Điều này khiến nhiều doanh nghiệp rơi vào tình cảnh tiến thoái lưỡng nan, nợ ngân hàng, nợ nhà cung cấp, nợ nhà thầu phụ, nợ lương nhân viên và cả nợ thuế. Nhiều dự án, công trình không có chi phí hoạt động, phải dừng thi công.

Nhận thức sâu sắc tình thế hiện tại cùng viễn cảnh tương lai, Ban lãnh đạo Tổng công ty LICOGI đã có những định hướng chiến lược thực tế, kịp thời và linh hoạt để tình hình hoạt động kinh doanh vẫn phát triển theo kế hoạch dài hạn đã đề ra. Căn cứ vào tình hình thị trường xây dựng những năm gần đây và nhận định thị trường trong những năm tới, Tổng công ty tiếp tục xác định chiến lược phát triển tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu là thi công xây lắp, xử lý nền móng, hạ tầng, công trình ngầm, sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng và đầu tư khu đô thị, nhà ở.

| Đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, ngành

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	KH 2022	TH 2022	Tỉ trọng TH/KH (%)
Giá trị sản xuất	2.613.763	2.499.933	95,64
- Xây lắp	967.079	573.107	59,26
- SXCN, VLXD	1.237.352	1.408.722	113,85
- KD nhà và hạ tầng	100.357	36.428	36,30
- Kinh doanh khác	308.975	481.675	155,89
Doanh thu	2.600.760	2.325.434	89,41
- Xây lắp	558.168	336.338	60,26
- SXCN, VLXD	1.332.516	1.220.745	91,61
- KD nhà và hạ tầng	213.155	43.640	20,47
- Hoạt động tài chính	217.884	337.229	154,77
- Kinh doanh khác	279.037	387.483	138,86
Lợi nhuận trước thuế	118.089	52.474	44,44
Đầu tư	1.237.995	83.423	6,74

Giá trị sản xuất năm 2022 đạt 95,64% kế hoạch đề ra cho thấy những nỗ lực của Tổng công ty để đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Giá trị xây lắp và kinh doanh nhà, hạ tầng giảm mức đáng kể, lần lượt chỉ đạt 59,26% và 36,30% so với kế hoạch đầu năm cho thấy những khó khăn mà LICOGI gặp phải trong năm 2022. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng vẫn duy trì mức tăng ổn định, đảm bảo nguồn thu cho Tổng công ty.

Doanh thu thực hiện năm 2022 của LICOGI đạt 89,41% tuy nhiên lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 52.474 tỷ đồng (bằng 44,44% so với kế hoạch) do các khoản chi phí lãi vay, chi phí bán hàng và quản lý tăng cao.

2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp: Tổng giám đốc phối hợp tốt với HĐQT theo quy chế hoạt động, thực hiện đúng quyền hạn theo quy định tại Điều lệ và các quy định nội bộ của Tổng công ty. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, chấp hành chế độ báo cáo và thông tin kết quả sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của HĐQT.

Công tác tổ chức bộ máy quản lý dần được kiện toàn, nhân sự dần được sắp xếp một cách hợp lý, khoa học cho từng vị trí. Công việc được bố trí, phù hợp với trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện theo đúng tinh thần chỉ đạo của HĐQT và theo đúng quy định của Điều lệ và Pháp luật; Tình hình tài chính, các khoản chi phí được kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại; Thực hiện tốt các chính sách về lương, thưởng, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp thu và tuân thủ một cách nghiêm túc những chỉ đạo từ các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT để triển khai hoạt động SXKD của Tổng Công ty.



3. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| Đánh giá thị trường năm 2023

Năm 2023, sẽ tiếp tục là một năm khó khăn đối với LICOGI trong hoạt động kinh doanh. Những yếu tố vĩ mô về ngành nghề như lãi suất, nguồn vốn hay pháp lý sẽ tiếp tục là những nhân tố kìm hãm đà tăng trưởng của LICOGI. Tuy nhiên, năm 2023 cũng sẽ mở ra những cơ hội mới cho Tổng công ty. Trải qua giai đoạn khó khăn trong năm 2022, LICOGI vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, điều mà nhiều doanh nghiệp khác đã không thực hiện được. Dự báo giai đoạn 2023-2024 sẽ là cao điểm đầu tư công, giá nguyên, nhiên vật liệu, thị trường bất động sản có xu hướng ổn định sẽ tạo động lực tăng trưởng mới cho Tổng công ty.

Xác định năm 2023 là một năm với cả những thách thức và cơ hội đối với hoạt động SXKD của Tổng Công ty, vì vậy, HĐQT LICOGI với vai trò là cơ quan quản lý Tổng Công ty quyết tâm tập trung mọi nguồn lực để tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty. Đặc biệt, Tổng Công ty vẫn sẽ tiếp tục quan tâm đến các chỉ tiêu cơ bản như sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, lương và các chế độ của CBCNV, bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho các cổ đông và người lao động, tạo một thương hiệu tốt trên sân chứng khoán và các khách hàng.

| Chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 của Tổng Công ty LICOGI - CTCP

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	So sánh với TH2022 (%)
Giá trị sản xuất	2.499.933	2.598.035	103,92
Doanh thu	2.325.434	2.448.678	105,30
Lợi nhuận trước thuế	52.474	24.393	46,5
Đầu tư	83.423	542.168	649,90

| Phương hướng thực hiện

Tiếp tục triển khai định hướng và giải pháp thực hiện đã được HĐQT đề ra trong báo cáo tại ĐHCĐ thường niên 2022; trong đó bổ sung và tập trung một số định hướng và giải pháp cụ thể về một số lĩnh vực sau:

VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, ban đơn vị để xác định số lao động thực tế cần sử dụng, vị trí đảm nhiệm công việc làm cơ sở để trả lương cho người lao động gắn với hiệu quả công việc theo hướng "làm công việc gì thì hưởng lương theo công việc ấy", phát huy tinh thần trách nhiệm của người lao động, từng bước tinh giản bộ máy kết hợp đào tạo, tuyển dụng cán bộ có kinh nghiệm để quản lý, điều hành, tuyển dụng công nhân lành nghề vận hành thiết bị để có đủ nguồn nhân lực thi công các công trình khi Tổng công ty tham gia thi công.

Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn diện Tổng công ty trong đó tập trung tái cấu trúc về tài chính, tổ chức, ngành nghề kinh doanh. Tiếp tục rà soát, ban hành đồng bộ hệ thống quy trình, quy chế nội của Tổng công ty.

Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của Người đại diện, cử cán bộ có năng lực làm người đại diện, đặc biệt là đại diện tại các công ty con hoặc công ty liên kết có vốn đầu tư lớn.

VỀ CÔNG TÁC ĐẤU THẦU, TÌM KIẾM VIỆC LÀM

Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm để khai thác tối đa máy móc, thiết bị, lao động hiện có vẫn là mục tiêu số một của Tổng công ty trong giai đoạn hiện nay; xây dựng, củng cố lực lượng làm hồ sơ đấu thầu và chỉ tham gia đấu thầu các công trình có nguồn vốn rõ ràng; không ký các hợp đồng thi công công trình, dự án có giá thấp, khả năng thanh toán kém. Ưu tiên, chú trọng đấu thầu các công trình, dự án về thi công san nền, xử lý nền móng, hạ tầng, giao thông, thủy điện là thế mạnh, lợi thế cạnh tranh cốt lõi của LICOGI so với các doanh nghiệp cùng ngành nghề và các công trình, dự án do nước ngoài làm chủ đầu tư cũng như làm nhà thầu xây lắp.

Hoàn thiện thủ tục pháp lý, tập trung nguồn vốn và chỉ đạo quyết liệt triển khai Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt tạo việc làm cho Tổng công ty và doanh nghiệp thành viên; sớm đưa Dự án vào khai thác mang lại hiệu quả cao.

Đi sâu nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới về thi công xử lý nền móng (cọc khoan nhồi, tường vây...) nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành và tăng khả năng cạnh tranh.

Khai thác triệt để máy móc, thiết bị hiện có để trích khấu hao tài sản, giải quyết việc làm cho người lao động.

Để đẩy mạnh công tác xuất khẩu lao động, đầu tháng 4/2023, HĐQT đã thành lập Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu tổng hợp LICOGI do Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ theo Nghị quyết của ĐHCĐ trên cơ sở Chi nhánh Xuất khẩu lao động LICOGI, lĩnh vực xuất khẩu lao động trong thời gian tới cần đa dạng hóa thị trường, lĩnh vực, ngành nghề và xuất, nhập khẩu máy móc, thiết bị, hàng tiêu dùng, nông thổ sản .../.

Đối với các công trình trúng thầu, phải tổ chức thi công thật tốt, quản lý chặt chẽ, đảm bảo tiến độ, chất lượng, an toàn, hiệu quả, có tính chuyên nghiệp, tạo niềm tin đối với khách hàng, từng bước củng cố thương hiệu và uy tín của LICOGI.

VỀ CÔNG TÁC TÁI CẤU TRÚC, ĐỔI MỚI PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

Tiếp tục xây dựng phương án tái cấu trúc Tổng công ty trên các lĩnh vực đầu tư tài chính, tổ chức ngành nghề kinh doanh để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 thông qua.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Thường xuyên rà soát để bổ sung, sửa đổi các quy chế, quy định, quy trình đã ban hành, xây dựng các quy chế mới phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động của LICOGI nhằm đảm bảo đủ công cụ hữu hiệu cho quản lý theo thông lệ và yêu cầu áp dụng với công ty đại chúng.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán, giám sát nhằm phát hiện kịp thời để đề xuất, cảnh báo, ngăn ngừa rủi ro.

VỀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Thực hiện tái cơ cấu các khoản nợ và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính; có kế hoạch tài chính hàng quý, 6 tháng, năm đảm bảo sử dụng nguồn vốn rõ ràng có hiệu quả phục vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư, trả nợ các khoản vay để giảm chi phí lãi vay. Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi công nợ; đối với những khoản nợ lâu năm, khó đòi cần củng cố hồ sơ pháp lý để nghị các cơ quan pháp luật can thiệp.

Tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị tài chính - kế toán, tăng cường tính minh bạch, phản ánh và cung cấp kịp thời, đúng tiến độ thông tin kế toán, quản trị hàng quý, 6 tháng và 01 năm theo yêu cầu và quy định đối với công ty đại chúng.

Tăng cường công tác quản lý giá thành, định mức kinh tế - kỹ thuật. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý ở tất cả các khâu, từ đấu thầu, quản lý hợp đồng, thi công, đến nghiệm thu, thanh - quyết toán, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật nhằm kiểm soát tốt và tiết giảm chi phí. Hoàn chỉnh, ban hành quy chế quản lý các khoản đầu tư, góp vốn và giám sát tài chính; Quy định thu - chi nội bộ và quản lý công nợ, Quy trình tổ chức và quản lý mua sắm tập trung.

VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Tập trung mọi nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án về đô thị, nhà ở, mở rộng tìm kiếm để đầu tư các dự án về nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất; chỉ đầu tư máy móc, thiết bị trong trường hợp thật sự cần thiết. Có kế hoạch thanh lý những thiết bị cũ nát, lạc hậu, không cần dùng để tái đầu tư cho phù hợp với công nghệ mới.

VỀ CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU LICOGI VÀ QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG

Định kỳ 6 tháng Tổng công ty tổ chức họp với lãnh đạo với các Công ty con, Công ty liên kết và doanh nghiệp mang thương hiệu LICOGI để thống nhất mục tiêu định hướng phát triển thị trường, công nghệ, trao đổi thông tin, hợp tác và những vấn đề quan trọng khác có liên quan đến sự phát triển bền vững của toàn bộ tổ hợp trên nguyên tắc bình đẳng, tự chủ kinh doanh, cùng có lợi, đồng thời đề ra mục tiêu, định hướng, giải pháp xây dựng, củng cố thương hiệu LICOGI với hơn 60 năm hình thành và phát triển. Tiếp tục quan tâm, củng cố mối quan hệ với cổ đông và công chúng đầu tư thông qua việc công bố thông tin kịp thời, minh bạch, đúng quy định.



06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

2. Ban kiểm soát

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của người nội bộ



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/Không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bắt đầu	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch	29/06/2021	
2	Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch	29/06/2021	
3	Ông Ứng Tiến Đỗ	Thành viên	24/06/2021	
4	Ông Nguyễn Danh Quân	Thành viên	24/06/2021	
5	Ông Nguyễn Trường Sơn	Thành viên	30/06/2022	
6	Ông Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên	24/06/2021	30/06/2022

| Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Đinh Việt Tùng	14/14	100%	
2	Phan Thanh Hải	14/14	100%	
3	Nguyễn Danh Quân	14/14	100%	
4	Ứng Tiến Đỗ	14/14	100%	
5	Nguyễn Trường Sơn	6/6	100%	Thành viên HĐQT từ 30/06/2022
6	Nguyễn Thanh Hợp	8/8	100%	Thôi thành viên HĐQT từ 30/06/2022

| Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban tư vấn cho Hội đồng quản trị.

| Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị đã ban hành 78 Nghị quyết, tỷ lệ thông qua của các Nghị quyết là 100%.

| Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban giám đốc

HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác của LICOGI trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế nội bộ về quản trị công ty cũng như các quy chế, quy định khác có liên quan khác của Tổng Công ty.

- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và của ĐHĐCĐ.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD, đầu tư hàng quý, năm.
- Giám sát công tác quản lý tài chính.

2. BAN KIỂM SOÁT

| Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu / không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng Ban KS	24/06/2021 - 30/06/2022	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
2	Phan Hải Triều	Trưởng Ban KS	30/06/2022	Cử nhân Quản trị Kinh doanh
3	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS	24/06/2021	Thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành Ngân hàng Tài chính
4	Nguyễn Thu Trang	Thành viên BKS	24/06/2021- 30/06/2022	Cử nhân Tài chính Ngân hàng
5	Dương Thị Phượng	Thành viên BKS	30/06/2022	Cử nhân Tài chính Kế toán

| Cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Thị Khánh Phương	03	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 30/06/2022
2	Phan Hải Triều	03	100%	100%	Trưởng BKS từ 30/06/2022
3	Kiều Bích Hoa	06	100%	100%	
4	Nguyễn Thu Trang	03	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 30/06/2022
5	Dương Thị Phượng	03	100%	100%	Thành viên BKS từ 30/06/2022

| Đánh giá hoạt động Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ LICOGI và Luật Doanh nghiệp, đặc biệt là thực hiện giám sát tình hình tài chính của LICOGI, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính thống nhất, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; giám sát việc công bố thông tin; giám sát trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty cũng như việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác, đảm bảo phối hợp hoạt động chặt chẽ với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông.

Trong quá trình thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của LICOGI và luôn được HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý, điều hành khác của LICOGI tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát tiếp cận hồ sơ, tài liệu của LICOGI cũng như cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của LICOGI khi Ban Kiểm soát có yêu cầu. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý, điều hành khác của LICOGI đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật. Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, ĐHĐCĐ và nhận được đầy đủ các tài liệu như tài liệu gửi cho các thành viên HĐQT. Trong các cuộc họp, BKS tham gia ý kiến đóng góp với những nội dung về công tác SXKD, công tác quản lý, đầu tư, một số công tác khác của Tổng Công ty và nhận được tiếp thu của HĐQT. BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Tổng Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông theo đúng các quy định tại Điều lệ Tổng công ty; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao.

| Phương hướng hoạt động năm 2023

Năm 2023, BKS tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng Công ty;
- Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty; Nắm bắt các cơ chế, chính sách ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;
- Tiếp tục phối hợp với HĐQT và Ban Tổng giám đốc xem xét tái cấu trúc về tổ chức của Tổng Công ty để xây dựng hoàn thiện cấu trúc tổ chức, chức năng nhiệm vụ và hệ thống quy trình, quy chế quản lý nội bộ theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với hoạt động thực tiễn của Tổng Công ty;
- Định kỳ thẩm tra tính trung thực của báo cáo tài chính bán niên, năm;
- Tăng cường giám sát việc quản lý vốn đầu tư của Tổng Công ty vào doanh nghiệp khác, cụ thể: tổ chức chương trình kiểm tra, giám sát hoạt động tại một số Công ty con có vốn góp lớn, chịu sự chi phối của Tổng Công ty;
- Tư vấn cho Hội đồng Quản trị các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản, tiết kiệm chi phí của Tổng Công ty;
- Đưa ra chương trình kiểm tra đối với một số lĩnh vực cụ thể và các yêu cầu đột xuất khác của cổ đông;
- Trình ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm của Tổng Công ty, nhằm đảm bảo việc tổ chức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập hiệu quả về chất lượng và chi phí;
- Tổ chức các buổi thảo luận trao đổi kinh nghiệm nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của các Kiểm soát viên;
- Duy trì sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

| Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc năm 2022

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 (VND)
Hội đồng quản trị	Đình Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	132.000.000
	Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch HĐQT	375.996.000
	Nguyễn Thanh Hợp	Thành viên HĐQT	43.960.000
	Nguyễn Danh Quân	Thành viên HĐQT	353.156.000
	Ứng Tiến Đỗ	Thành viên HĐQT	353.156.000
	Nguyễn Trường Sơn	Thành viên HĐQT	50.500.000
	Tổng		1.308.768.000
Ban Tổng Giám đốc	Vũ Nguyên Vũ	Tổng giám đốc	302.045.522
	Phan Đức Hùng	Phó Tổng giám đốc	152.400.000
	Phan Lan Anh	Phó Tổng giám đốc	329.656.000
	Nguyễn Thanh Hợp	Phó Tổng giám đốc	223.741.455
	Tổng		1.007.842.977
Tổng cộng		2.316.610.977	

| Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người liên quan của Người nội bộ

Tổng Công ty không phát sinh các giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người liên quan của Người nội bộ trong năm 2022

| Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Số hợp đồng	Ngày tháng	Nội dung	Tên đơn vị
1	Số 2601/2022/HĐVV/LI-COGI-KHU ĐÔNG	05/01/2022	Hợp đồng vay vốn	Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông
2	Số 1502/2022/HĐVV/LI-COGI-KHU ĐÔNG	15/02/2022	Hợp đồng vay vốn	Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông
3	Số 2202/2022/HĐVV/LI-COGI-KHU ĐÔNG	22/02/2022	Hợp đồng vay vốn	Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông
4	Số 1803/2022/HĐVV/LI-COGI-KHU ĐÔNG	18/03/2022	Hợp đồng vay vốn	Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông
5	Số 2504/2022/HĐVV/LI-COGI-KHU ĐÔNG	25/04/2022	Hợp đồng vay vốn	Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông
6	Số 0112/2022/HĐVV/LI-COGI-KHU ĐÔNG	07/12/2022	Hợp đồng vay vốn	Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông
7	Số 020/2022/HĐVV/LICO-GI-KHU ĐÔNG	15/12/2022	Hợp đồng vay vốn	Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông

| Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây

STT	Số hợp đồng	Ngày tháng	Nội dung	Tên đơn vị
1	Số 2102/2020/HĐMB	21/02/2020	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)
2	Số 1001-3/2020/HĐMB	10/01/2020	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)

STT	Số hợp đồng	Ngày tháng	Nội dung	Tên đơn vị
3	Số 28/12/2020/HĐMB	28/12/2020	Mua bán vật tư, vật liệu chính	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)
4	Số 501/2021/HĐMB	05/01/2021	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)
5	Số 504/2021/HĐMB	05/04/2021	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)
6	Số 0812/2021/HĐMB	08/12/2021	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)
7	Số 106/2022/HĐMB	01/06/2022	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)
8	Số 2510/2022/HĐMB	25/10/2022	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)
9	Số 0503/2021/HĐCTP/LICOGI-LICOGI 10	05/03/2021	Gói thầu số 2: Thi công hầm chính đoạn từ Km3+861,4 đến Km6+459,72 và hầm phụ 1- Dự án: Thủy điện ĐắkBa	Công ty Cổ phần Licogi 10
10	Số 2808/2020/HĐNT-MB	28/08/2020	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty Cổ phần Licogi 17
11	Số 26/08/2020/LICOGI-LICOGI 17	13/08/2020	Thi công gói thầu "Thi công Công viên giải trí, trường học và các tổ hợp nhà ở, thương mại, thương mại dịch vụ Golden Palace A"	Công ty Cổ phần Licogi 17
12	Số 2405/2021/HĐNT-MB	24/05/2021	Mua bán hàng hóa vật tư	Công ty Cổ phần Licogi 17
13	Số 20-05/2021/HĐKT	20/05/2021	Mua bán hàng hóa vật tư	Công ty Cổ phần Licogi 17
14	Số 2510/2022/HĐMB	25/10/2022	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty Cổ phần Licogi 17
15	Số 0712/2022/HĐMB	07/12/2022	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty Cổ phần Licogi 17
16	Số 05/09/2022/HĐCTXD/LICOGI-LICOGI 17	05/09/2022	Hoàn thiện căn hộ shophouse khối đế công trình HH2-1- Dự án công viên giải trí, trường học và tổ hợp nhà ở, thương mại dịch vụ Golden Palace A	Công ty Cổ phần Licogi 17

STT	Số hợp đồng	Ngày tháng	Nội dung	Tên đơn vị
17	Số 120-1/2022/HĐTCXD/MIK-LICOGI	01/10/2022	Gói thầu: Thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung-Dự án tuyến phố thương mại cặp đường 3/2 nối dài trên địa bàn thị trấn Hậu Nghĩa, Đức Hòa, Long An	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mik-Group Việt Nam
18	Số 0110/2022/HĐKT/LICOGI-LICOGI 17	01/10/2022	Gói thầu thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung - Dự án tuyến phố thương mại cặp đường 3/2 nối dài trên địa bàn thị trấn Hậu Nghĩa, Đức Hòa, Long An	Công ty Cổ phần Licogi 17
19	Số 103/2022/HĐTCXD/MIK-LICOGI	05/09/2022	Hoàn thiện căn hộ Shophouse khối đế công trình HH2-1- Dự án Công viên giải trí, trường học và tổ hợp nhà ở, thương mại dịch vụ Golden Palace A	Công ty Cổ phần Tập đoàn Mik-Group Việt Nam
20	Số 1001-1/2020/HĐMB	10/04/2020	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty TNHH MTV Đầu tư và XD LICOGI 2
21	Số 1002-1/2020/HĐMB	10/04/2020	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty TNHH MTV Đầu tư và XD LICOGI 2
22	Số 2003/2021/HĐMB	20/03/2021	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty TNHH MTV Đầu tư và XD LICOGI 2
23	Số 01/2021/HĐMB	18/05/2021	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty TNHH MTV Đầu tư và XD LICOGI 2
24	Số 2712/2021/HĐMB	27/12/2021	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty TNHH MTV Đầu tư và XD LICOGI 2
25	Số 2110/2022/HĐMB	21/10/2022	Mua bán hàng hóa, vật tư	Công ty TNHH MTV Đầu tư và XD LICOGI 2
25	Số 2110/2022/HĐMB	21/10/2022	Mua bán hàng hóa, vật tư, ca máy	Công ty TNHH MTV Đầu tư và XD LICOGI 2

I Đào tạo về quản trị công ty

Năm 2022, Tổng Công ty không cử các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty.

PHẦN 07

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**



| Chỉ tiêu phát triển bền vững

Ngoài các chỉ tiêu, định hướng phát triển 5 năm 2020-2025, hàng năm Tổng Công ty luôn đề ra các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể, tiết kiệm chi phí, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mới vào công tác quản lý, sản xuất kinh doanh nhằm tiết giảm chi phí, nâng cao hoạt động SXKD và tăng khả năng cạnh tranh.

Trong năm Tổng Công ty tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0
- Tổng số tiền phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0

| Chính sách liên quan đến người lao động

Xác định nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong quá trình phát triển Tổng Công ty. Nhân sự Tổng Công ty chiếm đa số là công nhân lao động có kỹ thuật, đòi hỏi sức khỏe và làm việc trong môi trường nguy hiểm và độc hại, chính vì vậy số lượng lao động được đào tạo buộc phải chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu trình độ lao động của Tổng Công ty. Có chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe an toàn và phúc lợi của người lao động.

Tổng Công ty đảm bảo cho người lao động công việc thu nhập ổn định, tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác gắn bó lâu dài. Xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp, vì vậy người lao động luôn tự hào khi được làm việc ở Tổng Công ty, xây dựng tập thể đoàn kết thống nhất cao.



| Chính sách liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương và môi trường

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là một trong những sứ mệnh của Tổng Công ty, Tổng Công ty tích cực tham gia các phong trào quyên góp ủng hộ do Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam cũng như địa phương nơi Tổng Công ty và các doanh nghiệp đóng tại trụ sở chính. Triển khai, áp dụng công nghệ tiên tiến trong việc thi công và khai thác, thực hiện công tác tuyên truyền công nhân công trường sử dụng vật tư, nhiên liệu, điện, nước một cách hiệu quả, tránh lãng phí, áp dụng nghiêm ngặt các quy trình bảo hộ lao động, quy trình bảo vệ môi trường.



08 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2022



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Licogi - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Đinh Việt Tùng | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. Ông Phan Thanh Hải | Phó Chủ tịch |
| 3. Ông Nguyễn Trường Sơn | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2022) |
| 4. Ông Nguyễn Thanh Hợp | Ủy viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2022) |
| 5. Ông Nguyễn Danh Quân | Ủy viên |
| 6. Ông Ưng Tiến Đỗ | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông Vũ Nguyên Vũ | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022) |
| 2. Ông Phan Thanh Hải | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 03 năm 2022) |
| 3. Ông Phan Đức Hùng | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2022) |
| 4. Ông Nguyễn Thanh Hợp | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 05 năm 2022) |
| 5. Bà Phan Lan Anh | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2023) |

Ban Kiểm soát

- | | |
|-------------------------------|---|
| 1. Ông Phan Hải Triều | Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2022) |
| 2. Bà Nguyễn Thị Khánh Phương | Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2022) |
| 3. Bà Dương Thị Phượng | Thành viên (bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2022) |
| 4. Bà Nguyễn Thu Trang | Thành viên (miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2022) |
| 5. Bà Kiều Bích Hoa | Thành viên |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

- | | |
|-----------------------|---|
| 1. Ông Vũ Nguyên Vũ | Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 03 năm 2022) |
| 2. Ông Phan Thanh Hải | Tổng Giám đốc (từ ngày 01/01/2022 đến 15/03/2022) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC


Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Vũ Nguyên Vũ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Số: 033007/2023/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Licogi - CTCP**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Licogi - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2023, từ trang 7 đến trang 54 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

Tính đến thời điểm 01 tháng 01 năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" của dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 393,1 tỷ đồng. Trong năm 2022, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện vốn hóa lãi vay vào "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn" là 2,1 tỷ đồng. Theo đó, tổng giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 395,2 tỷ đồng. Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay (CMKTVN số 16).

Các khoản công nợ phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2022, các công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận một số khoản phải thu mà kiểm toán viên không đánh giá được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ cũng như đánh giá tổn thất của các khoản nợ phải thu này. Cụ thể:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

- Công ty Cổ phần Licogi 15: 89,2 tỷ đồng và 79,5 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi: 10,5 tỷ đồng và 8,6 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 81,3 tỷ đồng và 89,9 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Licogi 10: 23,2 tỷ đồng và 34,6 tỷ đồng;

Hàng tồn kho

Kiểm toán viên không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 của các Công ty con của Tổng công ty, cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Licogi 15: 12,06 tỷ đồng và 14,06 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 48,3 tỷ đồng và 10,3 tỷ đồng.
- Công ty Cổ phần Licogi 10: 66,9 tỷ đồng và 78,9 tỷ đồng.

Các khoản công nợ phải trả

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2022, tại các công ty con của Tổng công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả, nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định được quyền và nghĩa vụ, tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Công ty Cổ phần Licogi 15: 109,56 tỷ đồng và 106,66 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước - Licogi: 9,8 tỷ đồng và 21,3 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20: 182,4 tỷ đồng và 84,5 tỷ đồng;
- Công ty Cổ phần Licogi 10: 42,8 tỷ đồng và 63,4 tỷ đồng;

Một số vấn đề khác

Công ty Cổ phần Licogi 15 chưa ghi nhận đầy đủ các khoản phạt vi phạm, phạt chậm nộp các loại thuế và chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các đối tượng khác tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định chi phí lãi vay và các khoản phải trả nêu trên nên chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến lãi/(lỗ) trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 11 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi- CTCP, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề nhấn mạnh (Tiếp theo)

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số II phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 562,29 tỷ đồng, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 1.282,98 tỷ đồng. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào phát sinh từ vấn đề không chắc chắn này.

Các vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2023-072-01
Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2023-072-01

T. NHH * (O.)

12/11/2023

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường
Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 01 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.958.649.876.827	2.269.675.515.345
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	81.369.308.171	296.587.488.617
1. Tiền	111		63.768.149.571	226.470.242.500
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.601.158.600	70.117.246.117
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	188.931.314.315	13.982.772.510
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		188.931.314.315	13.982.772.510
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		876.617.246.158	1.219.512.561.512
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	774.230.330.085	902.112.016.042
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	100.901.748.146	148.656.109.136
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	7.511.160.010	12.203.740.010
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7a	368.602.460.318	521.082.327.543
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8	(375.135.383.612)	(365.048.562.430)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		506.931.211	506.931.211
IV. Hàng tồn kho	140	V.9	780.009.788.047	707.456.796.650
1. Hàng tồn kho	141		799.756.670.984	727.613.664.986
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19.746.882.937)	(20.156.868.336)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.722.220.136	32.135.896.056
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	4.468.332.114	4.276.112.467
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.782.119.674	26.313.365.601
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	2.471.768.348	1.546.417.988
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.199.547.214.685	2.272.483.020.315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.387.910.939	518.447.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.7b	1.387.910.939	518.447.000
II. Tài sản cố định	220		286.383.313.270	333.237.122.654
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	259.961.957.048	305.652.749.415
- Nguyên giá	222		1.363.230.750.280	1.394.865.956.841
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.103.268.793.232)	(1.089.213.207.426)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	26.421.356.222	27.584.373.239
- Nguyên giá	228		29.951.669.806	29.450.669.806
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.530.313.584)	(1.866.296.567)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	4.020.667.916	4.020.667.916
- Nguyên giá	231		4.102.505.616	4.102.505.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(81.837.700)	(81.837.700)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.14	1.142.135.093.960	1.127.122.533.047
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1.121.623.443.439	1.108.465.803.442
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.511.650.521	18.656.729.605
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		735.435.889.375	771.921.004.156
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.15	696.030.474.667	711.503.500.036
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.16	59.260.545.400	59.260.545.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.16	(21.355.130.692)	(343.041.280)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.500.000.000	1.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		30.184.339.225	35.663.245.542
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	29.465.917.386	34.439.802.785
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		718.421.839	1.223.442.757
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.158.197.091.512	4.542.158.535.660

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.713.062.940.257	4.066.755.233.708
I. Nợ ngắn hạn	310		3.241.627.302.554	3.588.309.651.794
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	613.347.098.759	723.670.440.578
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	247.962.769.203	345.544.955.983
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	174.366.864.211	179.566.875.209
4. Phải trả người lao động	314		52.232.201.830	65.252.349.616
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	371.800.140.850	330.532.663.101
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		379.090.908	932.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	292.781.433.752	238.027.960.407
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.464.327.369.022	1.682.315.653.378
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.222.020.346	2.853.625.073
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.208.313.673	19.613.128.449
II. Nợ dài hạn	330		471.435.637.703	478.445.581.914
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		410.659.502	1.145.135.202
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	68.819.046.075	68.594.046.075
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	392.355.774.400	397.603.675.491
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.927.574.222	1.934.567.168
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342		7.922.583.504	9.168.157.978
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		445.134.151.255	475.403.301.952
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	445.134.151.255	475.403.301.952
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		900.000.000.000	900.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		117.558.651	117.558.651
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(89.169.818.319)	(89.169.818.319)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		110.261.401.316	96.790.511.958
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.083.295.470	2.083.295.470
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(562.286.439.243)	(522.576.726.296)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(596.762.430.704)	(615.989.841.579)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34.475.991.461	93.413.115.283
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		84.128.153.380	88.158.480.488
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.158.197.091.512	4.542.158.535.660

Lê Thị Thanh Nội
Người lập

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Vũ Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.989.195.010.784	1.991.489.294.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	989.667.771	3.074.488.076
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.988.205.343.013	1.988.414.806.609
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.787.673.174.263	1.763.928.313.108
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		200.532.168.750	224.486.493.501
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	274.538.573.143	216.236.555.649
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	232.093.268.784	155.351.326.110
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		209.672.159.030	156.305.403.894
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		62.691.248.154	55.483.507.298
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	55.217.982.469	47.313.032.559
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	160.032.810.493	147.582.741.475
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90.417.928.301	145.959.456.304
12. Thu nhập khác	31	VI.7	8.651.865.374	5.242.581.835
13. Chi phí khác	32	VI.8	46.595.348.782	34.386.038.516
14. Lợi nhuận khác	40		(37.943.483.408)	(29.143.456.681)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.474.444.893	116.815.999.623
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	7.685.572.511	13.609.910.698
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		498.027.972	(281.134.666)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.290.844.410	103.487.223.591
- Lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty	61		34.475.991.461	93.413.115.283
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9.814.852.949	10.074.108.308
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	383	1.038
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		383	1.038

Lê Thị Thanh Nội
Người lập

Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng

Vũ Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 03 năm 2023


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	52.474.444.893	116.815.999.623
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	51.566.301.819	53.267.403.752
Các khoản dự phòng	03	29.811.745.994	11.246.288.182
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(269.899.442)	(269.899.442)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(277.508.420.777)	(216.688.657.050)
Chi phí lãi vay	06	209.672.159.030	156.305.403.894
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	65.746.331.517	120.676.538.959
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	320.299.342.338	(109.286.363.578)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(72.143.005.998)	(103.049.259.392)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(276.664.363.281)	(223.157.541.083)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	4.781.665.752	2.198.997.194
Tiền lãi vay đã trả	14	(134.343.593.131)	(99.224.780.687)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.223.605.916)	(14.949.281.426)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(13.089.123.010)	(8.185.895.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(116.636.351.729)	(434.977.585.253)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.372.376.204)	(4.871.376.204)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	3.524.171.320	14.455.192.817
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(170.255.961.805)	185.901.870.920
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	25.326.260.177	121.990.630.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	271.433.205.621	101.305.362.456
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	124.655.299.109	418.781.679.989
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.817.589.619.857	2.017.689.355.930
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.040.825.805.304)	(1.893.037.574.469)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(223.236.185.447)	124.651.781.461
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(215.217.238.067)	108.455.876.197
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	296.587.488.617	187.908.875.497
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(942.379)	222.736.923
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	81.369.308.171	296.587.488.617

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT


Lê Thị Thanh Nội
Người lập


Nguyễn Anh Dũng
Kê toán trưởng


Vũ Nguyễn Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 03 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty LICOGI - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900 tỷ đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, bưu điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với các hoạt động kinh doanh bất động sản của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất, kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh với thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Tổng Công ty	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh LICOGI số 1	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Chi nhánh Vật liệu Xây dựng LICOGI	Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng

Thông tin về Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Đông Anh	Hà Nội	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Hà Nội	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty CP Tư vấn Licogi	Hà Nội	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Đồng Nai	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	Đà Nẵng	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 15	Thanh Hóa	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 17	Hải Dương	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Hà Nội	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Lắp máy Điện nước	Hà Nội	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Hà Nội	100,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Quảng Ninh	100,00%	Kinh doanh Bất động sản

Công ty con cấp 2

Tổng Công ty có các công ty con cấp 2 được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 6 (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)	Hòa Bình	28,22%	54,42%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Vật liệu Xây dựng Đông Anh số 9 (Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)	Phủ Thọ	26,44%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Licogi 9.2 (Công ty con của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)	Đồng Nai	40,45%	79,31%	Thi công xây lắp, nền móng hạ tầng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tổng Công ty có các công ty liên kết, công ty liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	41,01%	41,01%	Sản xuất, kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Licogi 14	Phủ Thọ	22,22%	22,22%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Licogi 19	Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long (Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9)	Bình Phước	20,40%	40,00%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 (Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh)	Hung Yên	25,27%	48,73%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

Công ty liên doanh

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH Khu Công nghiệp Thăng Long (Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh - Licogi)	Hà Nội	37,41%	42,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam (Công ty liên doanh của Công ty Cổ phần Licogi 15)	Hà Nam	48,48%	48,48%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong giai đoạn Cổ phần hóa từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015, Tổng Công ty lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và xử lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty cổ phần và Thông tư số 127/2014/TT-BCT ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn Nhà Nước thành Công ty Cổ phần. Tuy nhiên, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty- Công ty mẹ có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là 562 tỷ đồng, tổng nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 1.282 tỷ đồng, khả năng trả nợ của Tổng Công ty phụ thuộc vào nguồn thu và nguồn tài trợ của các đối tác. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất: tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính: tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng từ 03 năm đến 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư tại Tổng Công ty là bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, tiền thuê đất, sửa chữa lớn tài sản cố định và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tổng Công ty bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản dự phòng phải trả (Tiếp theo)

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 5% trên giá trị hợp đồng công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về dịch vụ xuất khẩu lao động.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	4.393.885.786	4.461.019.373
Tiền gửi ngân hàng	59.374.263.785	200.974.223.127
Các khoản tương đương tiền (i)	17.601.158.600	70.117.246.117
Tiền đang chuyển	-	21.035.000.000
Cộng	81.369.308.171	296.587.488.617

(i) Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng, lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	188.931.314.315	13.982.772.510
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	188.931.314.315	13.982.772.510
b) Dài hạn	1.500.000.000	1.500.000.000
Trái phiếu (ii)	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	190.431.314.315	15.482.772.510

(i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm, lãi suất theo quy định tại từng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản đầu tư dài hạn là 1.500 trái phiếu dài hạn của Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với kì hạn 07 năm, lãi trái phiếu trả định kỳ 01 năm một lần với lãi suất tương đương 8%/năm.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn khách hàng		
Công ty Cổ phần An Gia Tiến	31.560.883.921	11.064.462.861
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Thái Sơn	29.202.341.830	5.978.299.024
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty CP LICOGI 13	20.252.136.295	31.546.762.177
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	19.307.107.156	86.278.413.498
Công ty Cổ phần Vinhomes	19.214.454.072	12.604.651.381
Công ty Cổ phần Đầu tư và xây dựng công trình 578	14.503.806.049	14.803.806.049
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển thương mại Thanh Tùng	16.118.410.601	8.616.345.202
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	15.662.726.396
Phải thu khách hàng khác	587.146.868.926	694.294.954.615
Cộng	774.230.330.085	902.112.016.042
b) Phải thu khách hàng là bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	4.965.370.978	4.967.492.818

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường
Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hưng Huy	16.234.000.000	16.234.000.000
Công ty CP Xây dựng 203	6.829.116.000	6.829.116.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng BMT	4.849.427.733	4.849.427.733
Công ty TNHH Chang Xin (Việt Nam)	3.413.966.785	-
Đối tượng khác	69.575.237.628	120.743.565.403
Cộng	100.901.748.146	148.656.109.136
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</i>	3.695.789.577	3.695.789.577

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu về cho vay		
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh số 8 (i)	5.811.160.010	10.953.740.010
Phải thu về cho vay đối tượng khác	1.700.000.000	1.250.000.000
Cộng	7.511.160.010	12.203.740.010
b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</i>	5.811.160.010	10.953.740.010

(i) Khoản vay ngắn hạn hỗ trợ vay vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Đông Anh 8 - Công ty liên kết. Khoản vay theo hình thức tín chấp, áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.997.777.090	1.882.931.551
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	659.878.932	1.351.949.114
Các khoản khác	810.676.092	1.041.231.802
Cộng	4.468.332.114	4.276.112.467
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.199.153.172	14.350.927.344
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	6.556.242.468	4.517.467.145
Tiền thuê đất	4.280.114.493	4.984.204.561
Các khoản khác	6.430.407.253	10.587.203.735
Cộng	29.465.917.386	34.439.802.785

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường
Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu về cổ phần hóa	3.629.349.575	3.629.349.575
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.318.070.681	4.767.026.845
Phải thu người lao động	2.832.839.854	2.941.972.372
Tạm ứng	131.167.217.372	121.434.710.101
Kỳ quỹ ký cược	68.431.895	2.699.855.588
Phải thu Ban QLDA KĐT Thịnh Liệt (i)	55.902.500.572	55.899.448.572
Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương	-	165.000.000.000
Phải thu khác của COMETCO khi sáp nhập vào Licogi 2	25.496.220.371	25.496.220.371
Phải thu BDH Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1	17.241.013.260	17.241.013.260
Phải thu khác	99.453.412.789	96.479.326.910
Cộng	368.602.460.318	521.082.327.543
b) Phải thu dài hạn khác		
Cầm cố ký quỹ ký cược dài hạn	1.387.910.939	518.447.000
Cộng	1.387.910.939	518.447.000
c) Các khoản phải thu khác là bên liên quan <i>(Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)</i>	4.471.356.455	4.586.197.455

(i) Đây là khoản mục tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt trong quá trình thực hiện dự án. Dự án này ban đầu do Tổng Công ty - Công ty mẹ thực hiện nhưng sau đó đã được chuyển giao sang cho công ty con - Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi từ ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này là thấp nên đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản tạm ứng đã tồn đọng từ lâu.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTPC

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MAU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**8. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc		
	VND	VND	VND	VND		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	(21.261.594.839)	-	21.261.594.839	(21.261.594.839)	-
Công ty CP Thực phẩm miền Bắc	15.662.726.396	(15.662.726.396)	-	15.662.726.396	(15.662.726.396)	-
Công ty CP Xây lắp BDS Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	(12.572.632.461)	-	12.572.632.461	(12.572.632.461)	-
Ban điều hành Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	(25.493.403.949)	-	25.493.403.949	(25.493.403.949)	-
Công ty CP Đầu tư - Xây dựng Licogi 9.1	17.241.013.260	(5.472.303.979)	11.768.709.281	17.241.013.260	(5.472.303.979)	11.768.709.281
Phải thu BQL dự án KĐT Thịnh Liệt	55.899.448.572	(54.986.617.577)	912.830.995	55.899.448.572	(54.986.617.577)	912.830.995
Các khoản phải thu được chuyển giao khi sáp nhập COMETCO vào công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	39.052.111.083	(39.052.111.083)	-	39.052.111.083	(39.052.111.083)	-
Các khoản khác	225.708.200.768	(200.633.993.328)	25.074.207.440	224.576.965.553	(190.547.172.146)	34.029.793.407
Cộng	412.891.131.328	(375.135.383.612)	37.755.747.716	411.759.896.113	(365.048.562.430)	46.711.333.683

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.011.562.766	-	1.007.476.920	-
Nguyên liệu, vật liệu	99.027.721.395	(6.257.600.274)	95.198.362.206	(6.488.470.773)
Công cụ, dụng cụ	6.477.288.786	-	5.802.362.276	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	630.474.191.855	(13.259.325.313)	530.740.876.718	(13.486.677.563)
Thành phẩm nhập kho	59.395.965.469	(229.957.350)	68.241.389.847	(181.720.000)
Hàng hoá	-	-	24.139.154.347	-
Hàng gửi bán	1.369.940.713	-	2.484.042.672	-
Cộng	799.756.670.984	(19.746.882.937)	727.613.664.986	(20.156.868.336)

26

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTPC

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MAU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số cuối năm		Số đã thực nộp/ trong năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	trong năm	khấu trừ trong năm	VND	VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước						
Thuế giá trị gia tăng	2.318.873.443		212.535.571	1.410.812.962	1.120.596.052	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.806.050		38.715.609	54.780.305	12.741.354	
Thuế thu nhập cá nhân	110.896.151		1.602.666.700	1.333.672.300	379.890.551	
Các loại thuế khác	13.192.704		71.265.244	51.267.917	33.190.031	
Cộng	2.471.768.348		1.925.183.124	2.850.533.484	1.546.417.988	
b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
Thuế giá trị gia tăng	59.650.055.246		122.042.438.176	125.005.819.081	62.613.436.151	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.904.201.447		7.646.856.902	11.168.825.611	14.426.170.156	
Thuế thu nhập cá nhân	1.155.339.698		2.858.556.444	4.180.138.162	2.476.921.416	
Thuế tài nguyên	3.168.615.119		1.475.347.736	351.211.000	2.044.478.383	
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	995.892.316		5.151.222.909	5.292.299.990	1.136.969.397	
Phí, lệ phí khác phải nộp Nhà nước	95.347.433.223		3.588.604.405	3.551.999.505	95.310.828.323	
Các loại thuế khác	3.145.327.162		3.566.274.908	1.979.019.129	1.558.071.383	
Thuế xuất, nhập khẩu	-		762.304.417	762.304.417	-	
Cộng	174.366.864.211		147.091.605.897	152.291.616.895	179.566.875.209	

27

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu năm	252.150.352.289	968.089.253.813	165.729.578.760	8.896.771.979	1.394.865.956.841
Mua trong năm	-	4.122.926.402	-	1.041.343.411	5.164.269.813
Thanh lý tài sản cố định	-	(29.483.028.694)	(6.808.086.771)	-	(36.291.115.465)
Tặng/Giảm khác	(483.360.909)	(25.000.000)	-	-	(508.360.909)
Phân loại lại	-	-	(36.180.000)	36.180.000	-
Tại ngày cuối năm	251.666.991.380	942.704.151.521	158.885.311.989	9.974.295.390	1.363.230.750.280
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu năm	170.580.360.077	763.197.710.893	147.390.836.424	8.044.300.032	1.089.213.207.426
Khấu hao trong năm	9.053.166.859	36.036.235.617	5.872.048.007	411.926.017	51.373.376.500
Thanh lý tài sản cố định	-	(29.026.528.201)	(6.808.086.771)	-	(35.834.614.972)
Tặng/Giảm khác	(12.084.024)	-	-	-	(12.084.024)
Phân loại lại	(1.471.091.698)	-	-	-	(1.471.091.698)
Tại ngày cuối năm	178.150.351.214	770.207.418.309	146.454.797.660	8.456.226.049	1.103.268.793.232
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	81.569.992.212	204.891.542.920	18.338.742.336	852.471.947	305.652.749.415
Tại ngày cuối năm	73.516.640.166	172.496.733.212	12.430.514.329	1.518.069.341	259.961.957.048

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 720.518.905.650 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 606.192.538.080 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 157.749.630.386 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 231.569.951.443 đồng).

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày đầu năm	28.583.669.806	867.000.000	29.450.669.806
Mua trong năm	186.000.000	315.000.000	501.000.000
Tại ngày cuối năm	28.769.669.806	1.182.000.000	29.951.669.806
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày đầu năm	1.103.726.400	762.570.167	1.866.296.567
Khấu hao trong năm	132.558.648	60.366.671	192.925.319
Phân loại lại	1.471.091.698	-	1.471.091.698
Tại ngày cuối năm	2.707.376.746	822.936.838	3.530.313.584
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	27.479.943.406	104.429.833	27.584.373.239
Tại ngày cuối năm	26.062.293.060	359.063.162	26.421.356.222

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại thời điểm 01/01/2021, Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty là hai căn hộ tại số 81/6 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh được mua chờ tăng giá để bán với nguyên giá và hao mòn lũy kế lần lượt là 2.745.140.454 đồng và 81.837.700 đồng và Tổng Công ty dừng trích khấu hao đối với tài sản này từ năm 2015. Trong năm 2021, nguyên giá Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty tăng trong năm là một căn hộ tại ngõ 91, đường Đại Mỗ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội với mục đích chờ tăng giá để bán nguyên giá là 1.357.365.162 đồng và Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao.

14. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (i)	1.117.033.872.125	1.117.033.872.125	1.103.876.232.128	1.103.876.232.128
Dự án Thủy điện Cắm Thủy 2 (ii)	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
Cộng	1.121.623.443.439	1.121.623.443.439	1.108.465.803.442	1.108.465.803.442

(i) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Thịnh Liệt - Quận Hoàng Mai với quy mô 351.422 m2 có chức năng chính là các khu nhà ở đáp ứng cho số lượng dân khoảng 9.000 người, được nghiên cứu quy hoạch bao gồm: Biệt thự, nhà vườn; Nhà ở cao tầng; Công trình hỗn hợp; Công trình công cộng, Công trình công cộng đơn vị ở: thương mại dịch vụ, câu lạc bộ, đoàn thể, trụ sở hành chính; Trường học; Đường giao thông; Bãi đỗ xe; Cây xanh.

Dự án được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội ra quyết định cấp phép đầu tư xây dựng vào ngày 17/09/2007 cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng sau đó được chuyển giao lần lượt cho Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

TÓNG CÔNG TY LICOGI - CTPC

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MAU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm		
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	
				Giá gốc VND	
Công ty CP Licogi 12	596.700	7.895.068.192	(5.108.479.192)	596.700	7.895.068.192
Công ty CP Licogi 13	2.717.573	25.001.671.600	(14.946.651.500)	2.717.573	25.001.671.600
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	1.518.750	10.530.000.000	-	1.518.750	10.530.000.000
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	1.375.381	13.753.805.608	-	1.375.381	13.753.805.608
Công ty CP Đầu tư khu Công nghiệp Dầu khí Idico Long Sơn	300.000	780.000.000	-	300.000	780.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin-Licogi	100.000	1.000.000.000	(1.000.000.000)	100.000	1.000.000.000
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	30.000	300.000.000	(300.000.000)	30.000	300.000.000
Cộng		59.260.545.400	(21.355.130.692)		59.260.545.400

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Licogi 13	49.465.198.129	49.465.198.129	67.387.530.250	67.387.530.250
Công ty CP Licogi 16	29.495.610.739	29.495.610.739	30.033.945.370	30.033.945.370
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18	29.885.086.701	29.885.086.701	31.720.989.664	31.720.989.664
Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 18.1	16.730.964.213	16.730.964.213	31.390.872.009	31.390.872.009
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	15.928.014.655	15.928.014.655	15.928.014.655	15.928.014.655
Phải trả các đối tượng khác	471.842.224.322	471.842.224.322	547.209.088.630	547.209.088.630
Cộng	613.347.098.759	613.347.098.759	723.670.440.578	723.670.440.578
b) Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	960.868.000	960.868.000	2.682.899.716	2.682.899.716

32

TÓNG CÔNG TY LICOGI - CTPC

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MAU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Khách hàng dự án Nam Ga Hạ Long	104.591.989.862	104.591.989.862	114.050.043.613	114.050.043.613
Khách hàng dự án Khu đô thị Đông Hưng Thái Bình	25.982.058.700	25.982.058.700	25.982.058.700	25.982.058.700
Công ty CP Thủy điện thượng Sơn Tây	23.984.000.000	23.984.000.000	23.984.000.000	23.984.000.000
Ban QLDA Đầu tư XDCB TP Hải Dương	13.115.932.830	13.115.932.830	-	-
Công ty CP Tập đoàn MIK Group Việt Nam	10.368.934.115	10.368.934.115	-	-
Công ty CP Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	9.431.631.744	9.431.631.744	9.431.631.744	9.431.631.744
Công ty CP Thủy điện Nước Long-Đức Bảo	2.814.509.677	2.814.509.677	11.348.794.200	11.348.794.200
Các đối tượng khác	57.673.712.275	57.673.712.275	160.748.427.726	160.748.427.726
Cộng	247.962.769.203	247.962.769.203	345.544.955.983	345.544.955.983

33

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	277.847.784.353	202.519.218.454
Chi phí phải trả các công trình xây dựng và các khoản khác	93.952.356.497	128.013.444.647
- Công trình Thủy điện Suối Chăn 2	26.794.598.660	26.794.598.660
- Công trình đại học quốc gia	18.107.454.040	18.107.454.040
- Trích trước chi phí thi công cảnh quan HH2-1 & HH2-2	14.861.493.363	18.703.792.438
- Công trình thủy điện Bản Chát	7.343.716.979	7.343.716.979
- Dự án 20 Cộng Hòa	6.823.705.099	-
- Chi phí phải trả các công trình khác và các khoản khác	20.021.388.356	57.063.882.530
Cộng	371.800.140.850	330.532.663.101

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425
Kinh phí công đoàn	6.282.289.701	6.417.678.771
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	44.894.317.432	54.368.702.570
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.197.646.060	3.303.381.960
Phải trả về cổ phần hoá	14.112.595.415	14.342.961.818
Khoản LC tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội (i)	34.134.194.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Long	10.784.375.000	2.375.000.000
Công ty CP đầu tư Xuân Cầu (chi phí lãi vay)	3.125.205.479	4.713.424.658
Công ty TNHH Thanh Bình	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	171.682.095.840	149.938.096.205
Cộng	292.781.433.752	238.027.960.407
b) Phải trả dài hạn khác		
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (ii)	60.000.000.000	60.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.260.000.000	518.447.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.559.046.075	8.075.599.075
Cộng	68.819.046.075	68.594.046.075
c) Phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết xem tại Thuyết minh VII.1)	70.784.375.000	62.375.000.000

- (i) Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh (Công ty con) phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội theo hình thức thư tín dụng, để thanh toán các hợp đồng mua vật tư phục vụ sản xuất. Công ty sẽ phải trả các khoản phí theo quy định của Ngân hàng.
- (ii) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty - Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty - Công ty mẹ. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty - Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.458.922.298.019	1.458.922.298.019	1.817.003.054.257	2.032.212.496.321	1.674.131.740.083	1.674.131.740.083
Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)	772.220.459.937	772.220.459.937	557.742.324.288	652.210.744.650	866.688.880.299	866.688.880.299
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	20.166.389.200	20.166.389.200	121.592.529.278	152.039.714.899	50.613.574.821	50.613.574.821
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	269.170.830.539	269.170.830.539	555.840.183.803	514.708.954.428	228.039.601.164	228.039.601.164
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	156.787.145.868	156.787.145.868	338.048.174.903	338.180.436.037	156.919.407.002	156.919.407.002
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	29.259.447.908	29.259.447.908	317.200.000	7.046.661.592	35.988.909.500	35.988.909.500
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	44.793.411.024	44.793.411.024	2.285.000.180	6.445.128.655	48.953.539.499	48.953.539.499
Công ty CP Licogi 17	42.258.411.166	42.258.411.166	149.564.046.257	154.290.199.256	46.984.564.165	46.984.564.165
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	2.114.147.000	2.114.147.000	5.430.000.000	111.190.456.591	107.874.603.591	107.874.603.591
Công ty CP Licogi 15	32.574.598.631	32.574.598.631	430.000.000	296.000.000	32.440.598.631	32.440.598.631
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và XD 20	39.327.309.923	39.327.309.923	-	200.000.000	39.527.309.923	39.527.309.923
Công ty CP Lắp máy Điện nước	9.750.146.823	9.750.146.823	253.595.548	604.200.213	10.100.751.488	10.100.751.488
Công ty TNHH MTV ĐT và XD Licogi số 2	40.500.000.000	40.500.000.000	85.500.000.000	95.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	5.405.071.003	5.405.071.003	-	-	8.183.913.295	8.183.913.295
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	-	-	-	-	334.055.945	334.055.945
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	2.408.871.003	2.408.871.003	-	-	4.571.657.350	4.571.657.350
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	1.128.000.000	1.128.000.000	-	-	1.172.000.000	1.172.000.000
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	295.200.000	295.200.000	-	-	295.200.000	295.200.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	1.573.000.000	1.573.000.000	-	-	1.811.000.000	1.811.000.000
Cộng	1.464.327.369.022	1.464.327.369.022	1.682.315.653.378	1.682.315.653.378	1.682.315.653.378	1.682.315.653.378

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****(i) Tổng Công ty Licogi-CTCP (Công ty mẹ)**

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm theo hợp đồng tín dụng số 3120-LAV-202101881 ngày 27 tháng 12 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng là 100.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức vay ngắn hạn tối đa 97.000.000.000 đồng, hạn mức cấp bảo lãnh là 3.000.000.000 đồng. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 8,5%/năm và áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh định kỳ tối thiểu 3 tháng 1 lần, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 - 2022. Tổng Công ty sử dụng máy móc thiết bị, cổ phiếu (tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18 và Công ty CP Thủy điện Bắc Hà) thuộc sở hữu của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay này theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21 tháng 07 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS-PL03.2020 ngày 25 tháng 11 năm 2020. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 96.895.602.353 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201700283 ngày 31 tháng 10 năm 2017. Hạn mức tín dụng là 13.500.000.000 đồng. Lãi suất vay 8,5%/năm. Mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền thi công. Tài sản bảo đảm bao gồm: Quyền đòi nợ đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà theo HĐ thế chấp số 02/THN-L11 ngày 25/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/12/2015 (Phạm vi bảo đảm cho dư nợ tối đa là 9.800.000.000 đồng); và 3 xe ô tô tự do, 2 máy xúc thủy lực bánh xích gầu nghịch, 3 xe ô tô Mix vận chuyển bê tông theo hợp đồng thế chấp số 02/THN-L11 ngày 25/12/2015, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 28/12/2015 (Phạm vi bảo đảm là 3.750.000.000 đồng). Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 9.694.167.616 đồng.

Theo biên bản làm việc ngày 18 tháng 09 năm 2020, khoản vay sẽ được trả dần đến tháng 10/2022. Trường hợp thực hiện xong việc thoái vốn trước tháng 10/2022, Tổng Công ty LICOGI cam kết tất toán toàn bộ khoản vay ngay sau khi thoái vốn. Đến nay, Tổng Công ty vẫn chưa thực hiện xong việc thoái vốn.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2022/134627/HĐTD ngày 15 tháng 11 năm 2022. Hạn mức cấp tín dụng là 390.000.000.000 đồng (gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ đã quy đổi), trong đó hạn mức cho vay là 290 tỷ đồng và hạn mức cấp bảo lãnh là 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là kể từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31 tháng 07 năm 2023. Thời hạn của khoản vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tổng Công ty sử dụng một số máy móc thiết bị và tài sản của Tổng Công ty để đảm bảo cho khoản vay. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 252.812.963.210 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Đông theo hợp đồng tín dụng kiểm hợp đồng bảo đảm tiền vay số 507-004/22/VAB/HĐTDNH ngày 19 tháng 12 năm 2022. Hạn mức cho vay là 9.500.000.000 đồng. Thời hạn cấp hạn mức 30 ngày kể từ ký hợp đồng hoặc theo thỏa thuận lại của hai bên. Lãi suất cho vay là 9%/năm, thời hạn các khoản vay 50 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để chuyển tiền tạm ứng hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng số 07/12/20232HĐMB. Tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản đảm bảo số 12/2022/THN-LCG với giá trị định giá là 9.881.250.000 đồng. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 9.500.000.000 đồng.

36

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MAU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****(i) Tổng Công ty Licogi-CTCP (Công ty mẹ) (Tiếp theo)**

- Hợp đồng vay số 10-2019/HĐV_LICOGI ký ngày 22 tháng 04 năm 2019 giữa Tổng Công ty LICOGI - CTCP và Công ty Cổ phần AZURA nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là từ ngày 22 tháng 04 năm 2019 đến ngày 22 tháng 07 năm 2019. Tài sản đảm bảo là 26.602.627CP cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà, 5.337.112 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 14 và 2.853.451 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Licogi 13. Giá trị cổ phiếu theo hợp đồng là 610.282.747.060 đồng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 14%/năm. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 225.091.643.836 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TSCĐ-LICOGI ký ngày 30 tháng 12 năm 2011 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng nhằm mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 20%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng cổ phiếu của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 8.500.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay số 02/2017/HĐV/LICOGI-XUAN CAU ký ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn Ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại là 11%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Đông Anh. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 85.000.000.000 đồng.

- Bao gồm một số hợp đồng vay với cá nhân và các đơn vị khác. Cụ thể:

- Hợp đồng vay số 01/HĐCV/TG-LICOGI ngày 12 tháng 05 năm 2021 kèm phụ lục hợp đồng vay vốn số 01/PLHĐCV/TG-LICOGI ngày 10 tháng 05 năm 2022 giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty CP TERRA GOLD với số tiền là 4.100.000.000 đồng nhằm mục đích thực hiện các hoạt động của bên vay phù hợp với pháp luật và không gây ảnh hưởng đến các lợi ích của bên cho vay. Lãi suất vay là 5%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay. Tổng Công ty sử dụng các khoản phải thu Tổng Công ty phát sinh theo Hợp đồng thi công thầu phụ số 05/LICOGI/ISG/2016 ngày 10 tháng 08 năm 2016 giữa Công ty CP Xây dựng và kinh doanh Địa ốc Hòa Bình và Tổng Công ty Licogi - CTCP và các phụ lục đính kèm để đảm bảo cho khoản vay này. Giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm ký kết Hợp đồng là 8.334.349.353 đồng. Số dư vay tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 4.100.000.000 đồng.
- Các khoản vay cá nhân chủ yếu là các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng Công ty vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong năm, mức lãi suất chủ yếu được áp dụng là 9%/năm. Các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng. Số dư vay tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 42.253.150.362 đồng.

- Các hợp đồng vay ký kết giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông với mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Lãi suất vay 8%/năm. Thời hạn vay của các hợp đồng tối đa là 12 tháng. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 38.351.197.156 đồng.

37

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(ii) Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh

- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/153707/HĐTD ngày 15 tháng 08 năm 2022. Hạn mức tín dụng tối đa là 145.000.000.000 đồng trong đó, hạn mức vay vốn lưu động là 85.000.000.000 đồng, hạn mức thấu chi là 5.000.000.000 đồng. Hạn mức bảo lãnh không bao gồm bảo lãnh thanh toán tối đa là 60.000.000.000 đồng. Công ty vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 27 tháng 07 năm 2023. Thời hạn cho vay, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Biện pháp bảo đảm là toàn bộ nguồn thu hợp pháp mà Công ty là đơn vị thụ hưởng, Toàn bộ giá trị vật tư, hàng hóa, tài sản hình thành từ vốn vay tại BIDV, các L/C do BIDV phát hành, tài trợ và các tài sản hợp pháp khác. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 16.311.375.000 đồng.
- Các khoản vay cá nhân với lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ, mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 3.855.014.200 đồng.

(iii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/153720/HĐTD ngày 20 tháng 09 năm 2022. Hạn mức cấp tín dụng 200.000.000.000 đồng (Trong đó, vay ngắn hạn: 120.000.000.000 đồng). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng tín dụng hạn mức. Lãi suất được xác định trong hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Các hình thức đảm bảo tiền vay: là thế chấp bằng hàng tồn kho 81 tỷ theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/15720/HĐBĐ ngày 9/10/2018. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 68.539.267.960 đồng.
- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 73/21/CTDN/CBCD-CKDA ngày 25 tháng 11 năm 2021. Hạn mức cấp tín dụng 200.000.000.000 đồng (Trong đó, vay ngắn hạn: 120.000.000.000 đồng). Mục đích vay để tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bao gồm phục vụ đầu tư các tài sản cố định. Thời hạn của hợp đồng từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 25 tháng 11 năm 2022. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Các hình thức đảm bảo tiền vay là các tài sản cố định theo các biện pháp bảo đảm và hợp đồng bảo đảm quy định tại hợp đồng cấp tín dụng. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 79.216.095.619 đồng.
- Bán sửa đổi thỏa thuận chung về tiện ích số 05 ngày 20 tháng 05 năm 2021 căn cứ vào thỏa thuận chung về tiện ích số VHN 162141. Tổng hạn mức tiện ích là 164.000.000.000 VNĐ hoặc USD tương đương. Mục đích vay để bổ sung vốn phục vụ cho nhu cầu dịch vụ thương mại. Thời hạn của tiện ích là 12 tháng kể từ ngày của Thỏa thuận và sẽ được tự động gia hạn nhiều lần và mỗi lần gia hạn 12 tháng trừ khi có thông báo khác đi từ Ngân hàng. Lãi suất tiện ích được điều chỉnh cụ thể theo thông báo của Ngân hàng. Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu số VHN100481/MR bán sửa đổi lần thứ 5; Hợp đồng thế chấp hàng hóa trong kho số VHN100481/MS bán sửa đổi lần thứ 6; Hợp đồng cầm cố tiền gửi số VHN100481/DUL bán sửa đổi lần thứ 6 ngày 20 tháng 05 năm 2021. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 121.415.466.960 đồng.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTPC

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(iv) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

- Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 73/2022/378369/HĐTD ngày 25 tháng 08 năm 2022, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 34,5 tỷ đồng, trong đó hạn mức vay là 28,5 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 6 tỷ đồng. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2023. Lãi suất vay và thời hạn trả nợ được quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải của Công ty. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 28.498.874.032 đồng.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa theo Hợp đồng vay hạn mức số 154.21/48.05-HMCV ngày 29 tháng 10 năm 2021. Hạn mức vay không vượt quá 46,7 tỷ đồng, đồng thời Công ty phải giảm dần dư nợ vay tối thiểu 300 triệu đồng/tháng đảm bảo đến ngày 30 tháng 10 năm 2022, tổng dư nợ vay không vượt quá 43.100.000.000 đồng. Thời gian duy trì hạn mức 12 tháng. Mục đích vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm đầu tư tài sản cố định. Thời gian vay của từng khoản nợ được quy định trên Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 08 tháng. Lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là các tài sản theo các hợp đồng thế chấp tại ngân hàng và các văn bản sửa đổi bổ sung. Công ty đã thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi của khoản vay vào ngày 12 tháng 01 năm 2023. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 43.106.328.308 đồng.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2022/HMTD/VPB-LICOGI9 ngày 19 tháng 01 năm 2022. Hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng bao gồm hạn mức vay và hạn mức cấp bảo lãnh. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh để phục vụ hoạt động thi công xây lắp. Thời hạn vay của từng khoản nợ được quy định trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 11 tháng. Lãi suất vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ. Biện pháp bảo đảm khoản vay là ký quỹ, cầm cố 8.009.700 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licogi - CTPC và thế chấp phần vốn góp của Tổng Công ty Licogi - CTPC tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, và các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Ngân hàng và Công ty. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 65.700.000.000 đồng.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Á theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 200-30/22/VAB/HĐCHMTD ngày 19 tháng 08 năm 2022. Hạn mức tín dụng được cấp với giá trị tối đa là 100 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức là 12 tháng. Mục đích, thời hạn, lãi suất từng khoản vay được quy định cụ thể trong các Văn bản cấp tín dụng khi giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp các quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty với giá trị 125,66 tỷ đồng, quyền đối nợ hình thành từ các hợp đồng kinh tế, chấp nhận các đối tác Công ty CP Năng lượng Đại Dương và Công ty TNHH Vàng Phước Sơn. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 14.978.339.461 đồng.
- Vay cá nhân tại Công ty Cổ phần Cơ Giới và Xây Lắp Số 9 (Công ty mẹ) theo các hợp đồng vay có thời hạn từ 02 tháng đến 01 năm, lãi suất 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 3.701.486.067 đồng.
- Khoản vay bà Nguyễn Huỳnh Ngọc Hương tại Công ty Cổ phần LICOGI 9.2 (Công tycon) theo các hợp đồng vay thời hạn 12 tháng. Tiền vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất áp dụng lãi suất ngân hàng BIDV - CN Nam Đồng Nai tại từng thời điểm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 802.118.000 đồng.

TÓNG CÔNG TY LICOGI - CTCPC

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(v) Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Quảng Ngãi theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/711559/HĐTD ngày 06 tháng 12 năm 2022. Hạn mức tín dụng là 38.036.000.000 đồng, trong đó hạn mức vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán tối đa là 22.036.000.000 đồng với hạn mức xây lắp là 18.982.000.000 đồng, hạn mức thương mại (gạch, đá) là 3.054.000.000 đồng; hạn mức bảo lãnh tối đa là 16.000.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày 6 tháng 12 năm 2022 đến ngày 30 tháng 11 năm 2023, thời hạn vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng/ Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể/ L/C được phát hành. Tài sản đảm bảo là thế chấp, cầm cố bất động sản, tài sản gắn liền với đất, tài sản hình thành trong tương lai theo các hợp đồng thế chấp ký giữa Công ty và Ngân hàng. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 22.036.136.483 đồng.

- Bao gồm các hợp đồng vay cán bộ công nhân viên, thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 6%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 7.223.311.425 đồng.

(vi) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10

- Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/256773/HĐTD ngày 04 tháng 12 năm 2020 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng. Công ty được vay với hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 77 tỷ đồng, trong đó: vay vốn ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán tối đa là 27 tỷ đồng. Khoản vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn duy trì hạn mức là 08 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo bao gồm: thế chấp máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thừa đất lô 06-07, khu dân cư Tây Cầu Dừa, xã Vĩnh Hiệp, TP.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 36.925.017.536 đồng.

- Các khoản vay cá nhân ngắn hạn có thời hạn từ 03 - 12 tháng và tái tục khi hết hạn hợp đồng, lãi suất 8,5%/năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 7.868.393.488 đồng.

(vii) Công ty Cổ phần Licogi 17

- Vay ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2022/219065/HĐTD ngày 20 tháng 6 năm 2022 với hạn mức tối đa là 70 tỷ đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, tài sản đảm bảo được quy định tại các hợp đồng thế chấp tài sản. Theo văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số hợp đồng 02/2022/219065/SDSB sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2022/219065/HĐTD ngày 20 tháng 6 năm 2022, sửa đổi thời hạn cấp hạn mức tín dụng đến hết ngày 16 tháng 6 năm 2023. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 33.528.411.166 đồng.

- Vay cá nhân phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất 5,8%/năm tại thời điểm vay và được điều chỉnh theo từng thời điểm so với lãi suất cho vay thực tế của ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bắc Hải Dương. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 8.730.000.000 đồng.

TÓNG CÔNG TY LICOGI - CTCPC

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(viii) Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi

- Vay ông Nguyễn Thành Nhơn theo hợp đồng số 55A/2017/HĐVJ ngày 08 tháng 11 năm 2017 và phụ lục hợp đồng gia hạn khoản vay số 04 ngày 09 tháng 05 năm 2022, gia hạn thời hạn vay kể từ ngày 10 tháng 05 năm 2022 đến ngày 09 tháng 05 năm 2023 để thực hiện các hoạt động giải phóng mặt bằng, lãi suất 10%/năm, và được tự động gia hạn tái tục thêm 1 kỳ hạn với các điều khoản tương đương nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào khác. Khoản vay không có tài sản đảm bảo Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 2.014.147.000 đồng.

- Vay bà Nguyễn Thị Thu Hương theo hợp đồng vay vốn ngày 02 tháng 06 năm 2018 số tiền 200.000.000 đồng và phụ lục hợp đồng số 02 ngày 03 tháng 06 năm 2022 gia hạn vay 12 tháng kể từ ngày 04 tháng 06 năm 2022, lãi suất 12%/năm nhằm thực hiện hoạt động giải phóng mặt bằng cho dự án xây dựng khu đô thị mới Thịnh Liệt, Hợp đồng được tự động gia hạn tái tục thêm 1 kỳ hạn với các điều khoản tương đương nếu không có bất kỳ thỏa thuận nào khác. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 100.000.000 đồng.

(ix) Công ty Cổ phần Licogi 15

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành Đô. Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo là hợp đồng thế chấp tài sản. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 16.974.976.455 đồng.

- Vay huy động vốn cá nhân. Lãi suất áp dụng cho từng lần nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 15.599.622.176 đồng.

(x) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20

- Vay ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Tây Hà Nội theo hợp đồng vay số 1480LAV201800186 ngày 10/08/201 với hạn mức tối đa 36.500.000.000 đồng, hạn mức vay vốn 19.500.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh 17.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay 8,5%/năm (lãi suất cố định). Mục đích vay vốn là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thi công công trình, xử lý nền móng. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 09 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân. Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo từng hợp đồng thế chấp cụ thể với ngân hàng. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 18.829.494.431 đồng.

- Vay ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ theo Hợp đồng vay số 01/2018/134624/HĐTD với hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa 78.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán và mở LC (trừ phần kỳ quỹ) tối đa 38.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay được quy định tại từng văn bản nhận nợ. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LS phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty theo từng hợp đồng thế chấp cụ thể với ngân hàng. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 20.497.815.492 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MAU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****(xi) Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước**

- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Tây Hà Nội theo hợp đồng Hợp đồng tín dụng số 1480-LAV-201200231/HĐTD ngày 15/06/2012 với hạn mức tối đa là 10 tỷ đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất được xác định trong từng khế ước nợ cụ thể theo lãi suất thả nổi có điều chỉnh, thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 8 tháng. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp. Đến thời điểm hiện tại, khoản vay đã quá hạn trả nợ và ngân hàng đang tính lãi vay với lãi suất bằng 150% lãi suất theo khế ước nhận nợ. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 4.900.956.630 đồng.
- Vay Vay Công ty Cổ phần Năng Bắc Hà với mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất vay 16%/năm. Quá thời hạn vay nếu không thanh toán hết khoản vay thì lãi suất là 24%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng các giá trị đã thi công trình Dự án thủy điện Nậm Phàng B chưa được nghiệm thu thanh toán tương ứng với giá trị vay cùng tiền lãi khi đến hạn thanh toán. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 2.850.000.000 đồng.
- Các khoản vay cá nhân là các hợp đồng vay thời hạn dưới 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất vay 9,5%/năm, lãi nhập gốc. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 1.999.190.193 đồng.

(xii) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2

- Hợp đồng vay số 2022/HĐCV/PB-LI2 ngày 16 tháng 12 năm 2022, số tiền vay là 40.500.000.000 đồng, thời hạn vay không quá 11 tháng kể từ ngày vay vốn đầu tiên nhưng không vượt quá 06/12/2023, mục đích vay vốn là thanh toán tạm ứng tiền vật tư theo Hợp đồng số 2110/2022/HĐMB ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc mua bán hàng hóa, vật tư, ca máy kỹ giữa Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2 và Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần. Lãi suất vay trong hạn là 14,1%/năm tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Chi phí lãi vay liên quan đến khoản vay này sẽ được Tổng Công ty Licogi - Công ty Cổ phần thanh toán thay cho Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Licogi 2. Các biện pháp bảo đảm cho khoản vay gồm: Thế chấp bằng cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi (mã cổ phiếu CKD) thuộc sở hữu của Tổng Công ty Licogi-Công ty Cổ phần; thế chấp bằng vốn góp của Tổng Công ty Licogi-CTCP tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 40.500.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MAU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b) Vay dài hạn	397.760.845.403	397.760.845.403	586.565.600	8.613.308.983	405.787.588.786	405.787.588.786
Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)	(i) 354.460.000.000	354.460.000.000	-	-	354.460.000.000	354.460.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	-	-	-	334.055.945	334.055.945	334.055.945
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	(ii) 2.408.871.003	2.408.871.003	-	4.571.657.350	6.980.528.353	6.980.528.353
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9	(iii) 538.800.000	538.800.000	1.400.000	295.200.000	832.600.000	832.600.000
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	(iv) 1.128.000.000	1.128.000.000	-	747.593.288	1.875.593.288	1.875.593.288
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	(v) 1.573.000.000	1.573.000.000	-	238.000.000	1.811.000.000	1.811.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	(vi) 25.495.174.400	25.495.174.400	585.165.600	2.276.802.400	27.186.811.200	27.186.811.200
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	(vii) 12.157.000.000	12.157.000.000	-	150.000.000	12.307.000.000	12.307.000.000
Cộng	397.760.845.403	397.760.845.403			405.787.588.786	405.787.588.786
Nợ dài hạn đến hạn trả	(5.405.071.003)	(5.405.071.003)			(8.183.913.295)	(8.183.913.295)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	392.355.774.400	392.355.774.400			397.603.675.491	397.603.675.491

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(i) Tổng Công ty Licogi - CTCP (Công ty mẹ)

- Các hợp đồng vay giữa Tổng Công ty Licogi - CTCP và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với số tiền 270.210.000.000 đồng. Lãi suất vay từ 8-10%/năm nhằm mục đích phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt. Theo các phụ lục hợp đồng, kỳ hạn trả nợ gốc của các hợp đồng được gia hạn đến năm 2023. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 189.460.000.000 đồng.
- Khoản vay Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương theo biên bản thỏa thuận chuyển đổi nghĩa vụ hoàn trả tiền thành khoản vay ngày 31 tháng 12 năm 2021, số tiền là 165 tỷ đồng, thời hạn vay 03 năm, lãi suất 0%/năm. Gốc vay được Thanh toán khi kết thúc thời hạn vay. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 165.000.000.000 đồng.

(ii) Công ty Cổ phần Cơ khí Đồng Anh Licogi

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 15/2018-HĐCVDADT/NHCT144-CKĐA ngày 21 tháng 05 năm 2018. Hạn mức tín dụng là 20.037.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán các chi phí hợp lý đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất nhôm định hình tại Nhà máy Nhóm Đồng Anh - Giai đoạn 1. Thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng, trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên lãi suất là 7,5%/năm. Các hình thức bảo đảm tiền vay: các tài sản với hình thức đảm bảo, giá trị tài sản bảo đảm theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng bảo đảm mà Công ty và/hoặc tổ chức/cá nhân khác ký kết với Ngân hàng và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác được xác lập trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết Hợp đồng, trong đó có Hợp đồng bảo đảm số 18/2018/HĐBBĐ/NHCT144-CKĐA ngày 11 tháng 05 năm 2018. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 2.408.871.003 đồng.

(iii) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 4 theo Hợp đồng tín dụng số 1402-LAV-201701166 ngày 25 tháng 10 năm 2017. Tổng số tiền vay 2.064.000.000 đồng. Thời hạn vay là để thanh toán tiền mua xe ô tô con Mercedes-Benz E300 AMG. Lãi suất cho vay được ghi trên giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm là các tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 538.800.000 đồng.

(iv) Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Quảng Ngãi theo hợp đồng tín dụng số 03/2015/711559/HĐTD ngày 07 tháng 10 năm 2015, số tiền vay là 22.900.000.000 đồng, mục đích vay đầu tư dự án đầu tư khai thác mỏ đá núi Cà Tỳ, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Thời hạn vay 07 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, thời gian ân hạn khoản vay là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất 10%/năm từ ngày 07/10/2015 đến 31/03/2015, sau đó áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh 6 tháng/lần theo quy định của ngân hàng. Tài sản đảm bảo bao gồm Hợp đồng thế chấp quyền khai thác khoáng sản số 01/2015/711559/HĐBBĐ ngày 01/10/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo hợp đồng (nếu có). Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 1.128.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN/HN
Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(v) Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10

- Hợp đồng tín dụng số 16441.17.307.2669135.TD ngày 22 tháng 08 năm 2017, hạn mức cho vay 8.844.500.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất quy định tại từng thời điểm theo khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Mua 1 máy đào hầm không nổ mìn hiệu Changlin. Khoản vay được thế chấp bằng động sản là Máy khai thác kiểu rung. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 1.573.000.000 đồng.

(vi) Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2

- Khoản vay các cá nhân với mục đích huy động vốn để Công ty triển khai đầu tư dự án xây dựng tòa nhà Văn phòng và căn hộ tại lô CT7 - khu đô thị Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, bên cho vay sẽ được đảm bảo quyền mua căn hộ của dự án. Thời hạn vay đến khi Công ty hoàn tất thủ tục lập hợp đồng mua bán căn hộ cho khách hàng tại dự án, lãi suất vay được tính theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Hạ Long. Toàn bộ Chi phí lãi vay phát sinh trong năm của Các hợp đồng vay cá nhân này, Công ty đang vốn hóa vào dự Dự án chung cư CT7 - Khu đô thị Thịnh Liệt, Hà Nội. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 25.495.174.400 đồng.

(vii) Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20

- Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng vay số 1480-LAV-201700292 ngày 15/11/2017, số tiền vay 13.500.000.000 đồng, lãi suất cho vay 9,5%, điều chỉnh lãi suất 6 tháng 1 lần theo thông báo cụ thể của ngân hàng, thời hạn vay 60 tháng. Mục đích vay là để đầu tư 02 dây chuyền máy khoan cọc nhồi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 60 tháng tính từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng chính 02 dây chuyền máy khoan cọc nhồi này. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 10.800.000.000 đồng.
- Vay các cá nhân trong Công ty, thời hạn vay 13 tháng, lãi suất theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, các khoản vay này không có tài sản đảm bảo, bắt đầu từ 2017 là không có lãi suất. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2022 là 1.357.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích có đóng không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	900.000.000.000	117.558.651	(89.169.818.319)	89.232.634.850	2.083.295.470	(592.083.951.495)	94.252.852.036	404.432.571.193
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	-	-	93.413.115.283	10.074.108.308	103.487.223.591
Trích quỹ đầu tư, phát triển	-	-	-	7.557.877.108	-	(7.557.877.108)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(15.905.213.081)	(3.259.642.673)	(19.164.855.754)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(12.635.599.017)	(12.635.599.017)
Tặng/Giảm khác	-	-	-	-	-	(442.799.895)	(273.238.166)	(716.038.061)
Tại ngày đầu năm	900.000.000.000	117.558.651	(89.169.818.319)	96.790.511.958	2.083.295.470	(522.576.726.296)	88.158.480.488	475.403.301.952
Lãi/lỗ trong năm	-	-	-	13.470.889.358	-	34.475.991.461	9.814.852.949	44.290.844.410
Trích quỹ đầu tư, phát triển (i)	-	-	-	-	-	(13.470.889.358)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(12.944.094.853)	(1.740.213.381)	(14.684.308.234)
Trả cổ tức (i)	-	-	-	-	-	-	(11.474.021.030)	(11.474.021.030)
Hợp nhất do Công ty liên kết	-	-	-	-	-	(47.133.237.606)	-	(47.133.237.606)
L14 (ii)	-	-	-	-	-	-	-	-
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	(637.482.591)	(630.945.646)	(1.268.428.237)
Tại ngày cuối năm	900.000.000.000	117.558.651	(89.169.818.319)	110.261.401.316	2.083.295.470	(562.286.439.243)	84.128.153.380	445.134.151.255

(i) Trích lập các quỹ, trả cổ tức của Công ty mẹ và các công ty con được thực hiện theo Nghị quyết 119/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty mẹ và các Nghị quyết đại hội cổ đông, Hội đồng thành viên của các Công ty con.

(ii) Khoản giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối do hợp nhất Công ty Cổ phần Licogi 14 (công ty liên kết của Tổng Công ty), cụ thể: Công ty Cổ phần Licogi 14 không phải lập báo cáo nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, do Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Licogi 14 (LFI) đã thực hiện phát hành cổ phiếu thường theo chương trình lựa chọn người lao động (tương ứng 5% số lượng cổ phiếu lưu hành) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2021, theo đó vốn điều lệ của LFI tăng lên làm cho tỷ lệ sở hữu của Công ty Licogi 14 tại LFI giảm từ 51% xuống còn 48,57% dẫn tới LFI không còn là Công ty con của Licogi 14 và trở thành Công ty liên kết. Do đó, giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Licogi 14 theo phương pháp vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bị giảm đi 47.133.237.606 đồng.

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000
Vốn góp của các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000
Cộng	100,0%	900.000.000.000	100,0%	900.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	90.000.000	90.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, đồng thời toàn bộ doanh thu và tài sản của Tổng Công ty kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 03 (ba) bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh Xây lắp; bộ phận kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng và bộ phận kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)

	Hoạt động Xây lắp		Hoạt động kinh doanh hàng hóa Vật liệu xây dựng		Hoạt động kinh doanh bất động sản và các hoạt động khác		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	340.175.370.110	1.586.595.226.158	61.434.746.745	1.988.205.343.013				
Chi phí bộ phận trực tiếp	307.984.146.292	1.435.345.558.469	44.343.469.502	1.787.673.174.263				
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	32.191.223.818	151.249.667.689	17.091.277.243	200.532.168.750				
Tổng chi phí mua TSCĐ	7.019.190.729	-	-	7.019.190.729				
Tài sản bộ phận	570.842.991.107	2.660.386.782.025	82.189.810.974	3.313.419.584.106				
Tài sản không phân bổ	-	-	-	844.777.507.407				
Tổng tài sản	577.862.181.836	2.660.386.782.025	82.189.810.974	4.158.197.091.512				
Nợ phải trả bộ phận	635.708.500.560	2.962.689.423.287	91.529.128.516	3.689.927.052.363				
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	23.135.887.895				
Tổng nợ phải trả	635.708.500.560	2.962.689.423.287	91.529.128.516	3.713.062.940.257				

TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.989.195.010.784	1.991.489.294.685
Doanh thu bán hàng hóa, kinh doanh vật liệu xây dựng	1.587.584.893.929	1.426.800.347.261
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.950.818.358	24.196.413.721
Doanh thu hợp đồng xây dựng	340.175.370.110	462.654.689.676
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	36.483.928.387	77.837.844.027
Các khoản giảm trừ doanh thu	989.667.771	3.074.488.076
Trong đó:		
Hàng bán bị trả lại	310.931.219	1.921.639.270
Giảm giá hàng bán	613.016.551	1.003.314.844
Chiết khấu thương mại	65.720.001	149.533.962
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.988.205.343.013	1.988.414.806.609

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, vật liệu xây dựng	1.435.345.558.469	1.298.432.177.065
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.608.860.223	16.624.441.112
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	308.394.131.691	393.234.600.499
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	23.734.609.279	51.193.221.337
Trích/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(409.985.399)	(1.714.838.326)
Dự phòng bảo hành công trình	-	6.158.711.421
Cộng	1.787.673.174.263	1.763.928.313.108

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	8.564.340.687	7.373.383.644
Cổ tức, lợi nhuận được chia	103.381.611.834	94.644.682.760
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	428.293.686	15.852.827
Lãi từ bán cổ phần Công ty CP Licogi 14	162.038.296.936	114.046.243.706
Doanh thu hoạt động tài chính khác	126.030.000	156.392.712
Cộng	274.538.573.143	216.236.555.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi tiền vay	209.672.159.030	156.305.403.894
Lỗ từ bán cổ phần Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Hà	537.089.946	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	390.477.312	102.170.538
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	89.549.954	269.899.442
Dự phòng/ hoàn nhập tổn thất đầu tư	21.012.089.412	(2.174.058.400)
Chi phí tài chính khác	391.903.130	847.910.636
Cộng	232.093.268.784	155.351.326.110

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.088.772.127	1.432.214.455
Chi phí nhân công	25.890.428.221	22.241.971.081
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.326.285.409	1.561.249.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.179.390.070	5.144.778.121
Chi phí khác bằng tiền	17.600.995.430	17.121.708.146
Hoàn nhập dự phòng bảo hành	132.111.212	(188.888.764)
Cộng	55.217.982.469	47.313.032.559

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.859.939.226	5.874.752.556
Chi phí nhân công	80.160.297.535	76.409.247.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.714.158.075	6.232.282.626
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	10.359.957.110	9.029.011.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	57.938.458.547	50.037.447.389
Cộng	160.032.810.493	147.582.741.475

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.524.171.320	4.157.833.147
Tiền phạt thu được	143.711.052	225.697.890
Dự phòng bảo hành công trình	1.482.204.825	-
Thu nhập khác từ xử lý công nợ khó đòi	711.904.071	-
Thu nhập khác	2.789.874.106	859.050.798
Cộng	8.651.865.374	5.242.581.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	-	3.533.486.207
Chi phí khấu hao tài sản cố định dừng hoạt động	15.352.252.694	15.889.137.124
Các khoản bị phạt	17.553.131.750	10.104.172.469
Các khoản chi khác	13.689.964.338	4.859.242.716
Cộng	46.595.348.782	34.386.038.516

9. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi 2	28.421.954	6.267.928.111
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	3.919.953.510	5.282.640.328
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đông Anh	1.631.932.180	1.385.303.295
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	2.066.549.258	659.308.475
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty CP Tư vấn Licogi	38.339.800	14.538.163
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	375.809	192.326
Cộng	7.685.572.511	13.609.910.698

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.475.991.461	93.413.115.283
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	34.475.991.461	93.413.115.283
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	90.000.000	90.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	383	1.038

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Licogi 14	Công ty liên kết
Công ty CP Licogi 19	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8	Công ty liên kết
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	Công ty liên doanh
Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng hóa, dịch vụ	1.938.844.440	1.805.602.500
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	1.938.844.440	1.805.602.500
Mua hàng hóa, dịch vụ	4.545.454.544	4.545.454.544
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	4.545.454.544	4.545.454.544
Thu lại tiền vay	780.000.000	820.000.000
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	780.000.000	820.000.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	89.849.120.334	93.586.957.760
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	87.474.120.334	91.211.957.760
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bình Long	2.375.000.000	2.375.000.000
Các khoản đi vay	259.462.000.000	161.714.098.625
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	259.462.000.000	161.714.098.625
Các khoản trả gốc vay	312.048.098.625	131.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	312.048.098.625	131.000.000.000
Chi phí lãi vay	21.090.427.553	23.130.008.145
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	21.090.427.553	23.130.008.145

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	4.965.370.978	4.967.492.818
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	4.804.043.818	4.804.043.818
Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long	161.327.160	163.449.000
Trả trước cho người bán	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty CP Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Phải thu về cho vay	5.811.160.010	10.953.740.010
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	5.811.160.010	10.953.740.010
Phải thu khác	4.471.356.455	4.586.197.455
Công ty CP Licogi 19	4.337.712.455	4.337.712.455
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	133.644.000	248.485.000
Phải trả người bán ngắn hạn	960.868.000	2.682.899.716
Công ty CP Licogi 14	-	1.432.899.716
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	960.868.000	1.250.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	419.037.480	419.037.480
Công ty TNHH Xuân Cầu	419.037.480	419.037.480
Vay và nợ tài chính	227.811.197.156	280.397.295.781
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	227.811.197.156	280.397.295.781
Phải trả khác	70.784.375.000	62.375.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long	10.784.375.000	2.375.000.000
Lãi vay phải trả	74.314.403.057	65.845.354.879
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	74.314.403.057	65.845.354.879

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị trong năm như sau:

	Năm nay VND
Thù lao, phụ cấp của các thành viên Hội đồng Quản trị	1.308.768.000
1. Đinh Việt Tùng	132.000.000
2. Phan Thanh Hải	375.996.000
3. Nguyễn Thanh Hợp	43.960.000
4. Nguyễn Danh Quân	353.156.000
5. Ưng Tiến Đỗ	353.156.000
6. Nguyễn Trường Sơn	50.500.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.007.842.977
1. Vũ Nguyên Vũ	302.045.522
2. Phan Đức Hùng	152.400.000
3. Phan Lan Anh	329.656.000
4. Nguyễn Thanh Hợp	223.741.455
Cộng	2.316.610.977

2. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty ký hợp đồng với Sở Địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m². Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà Nước.

Ngoài ra, Các đơn vị thành viên của Tổng Công ty ký hợp đồng thuê đất để sử dụng với mục đích làm văn phòng, nhà xưởng sản xuất. Theo các hợp đồng này, các đơn vị thành viên phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ

Trong năm 2011, Tổng Công ty đã khởi kiện Công ty Cổ phần Phát triển và Đầu tư Đại Sơn ("Công ty Đại Sơn") liên quan đến khoản tiền mà Công ty Đại Sơn phải trả cho Tổng Công ty theo hợp đồng số 426A-HĐKT-KH về gói thầu Hạ tầng Trường trung cấp Huấn luyện Việt Mỹ tại phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương và hợp đồng số 426B-HĐKT-KH về gói thầu thi công xây dựng hạ tầng Khu du lịch - nhà nghỉ - Trung tâm huấn luyện và công nghệ cao do Công ty Đại Sơn làm chủ đầu tư. Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh tỉnh Hải Dương đã có quyết định theo bản án số 01/2022/KDTM-ST ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng, Công ty Đại Sơn phải thanh toán cho Tổng Công ty số tiền nợ gốc là 4.449.989.594 đồng và số tiền lãi là 4.417.372.055 đồng. Và Tổng Công ty phải thanh toán cho Công ty Đại Sơn số tiền điện, nước, điện thoại, máy fax là 231.500.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Đại Sơn chưa thanh toán cho Tổng Công ty số tiền gốc và lãi nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Thị Thanh Nội
Người lập



Nguyễn Anh Dũng
Kế toán trưởng



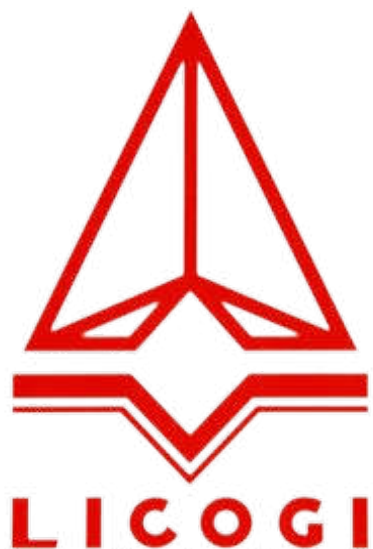
Vũ Nguyên Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 03 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Nguyên Vũ



Tổng Công ty LICOGI - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh
Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Số điện thoại: + 84 024 38542365

Số fax: + 84 024 38542655

<http://www.licogi.com.vn>